

**CHỊU TRÁCH NHIỆM
XUẤT BẢN**

TS. Nguyễn Văn Phát
Chủ tịch Liên hiệp các Hội
Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa

**CHỊU TRÁCH NHIỆM
NỘI DUNG**

CN. Nguyễn Quốc Uy
Phó Chủ tịch Liên hiệp các Hội
Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa

BAN BIÊN TẬP

ThS. Phạm Kim Tân
KS. Nguyễn Xuân Sang
KS. Lê Xuân Dũng
CN. Hà Sĩ Thắng
CN. Trần Quốc Chấn
ThS. Lê Thị Linh Mai

**THƯ KÝ BIÊN TẬP
VÀ TRÌNH BÀY**

ThS. Lê Thị Linh Mai

**LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC
VÀ KỸ THUẬT THANH HÓA**

17 Hạc Thành - P. Ba Đình
TP. Thanh Hóa
Điện thoại: 02373.720.885
Fax: 02373.720.885
Website: www.tusta.org.vn
Email: khoa hoc thanh hoa@gmail.com

*Ảnh bìa: Lãnh đạo Liên hiệp các Hội
Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa và
Sở Thông tin và Truyền thông khảo
sát tại Trung tâm giám sát điều hành
thông minh tỉnh Thanh Hóa*

TRONG SỐ NÀY

Số 01 (Tháng 3/2022)

- Đẩy mạnh phong trào thi đua, phát huy sức sáng tạo của đội ngũ trí thức khoa học và công nghệ, góp phần hoàn thành thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2022

Nguyễn Quốc Uy 2

- Trường Chính trị tỉnh với định hướng ưu tiên đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế

- xã hội tỉnh Thanh Hóa

Lương Trọng Thành 7

- Tư tưởng Hồ Chí Minh về trí thức, xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức

Khổng Mạnh Tiến 12

- Những chiến sĩ áo trắng trong công tác phòng chống dịch COVID-19

Phạm Ngọc Thơm 16

- Một số nội dung cơ bản của Quy chế tiếp xúc, gặp gỡ, tham vấn và đối thoại giữa lãnh đạo tỉnh với đội ngũ trí thức trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Ban Biên tập 20

- Hội Dân tộc học và Nhân học tỉnh Thanh Hóa ước măm sáng tạo, tôn vinh trí thức khoa học và công nghệ tiêu biểu

Nguyễn Văn Lộc 22

- 10 sự kiện khoa học và công nghệ Việt Nam nổi bật năm 2021

25

- Tài nguyên nước hệ thống sông Mã - Những vấn đề cần quan tâm

Phạm Xuân Quý 30

- Pháp luật về bảo vệ môi trường trong việc đảm bảo phát triển bền vững ở nước ta

Hà Sĩ Thắng 35

- Tầm quan trọng của việc ứng dụng khoa học công nghệ trong phát triển lâm nghiệp tại Thanh Hóa

Nguyễn Viết Thái 39

- Ảnh hưởng của liều lượng men lacto sống đến khả năng sinh trưởng của gà Ri cải tiến

Mai Danh Luân 41

- Công viên thắng tích xứ Thanh với nội dung giáo dục địa phương trong chương trình giáo dục phổ thông 2018

Nhóm tác giả 43

- Chế tạo robot phun sơn tĩnh điện

Nhóm tác giả 46

- Sự biến đổi cơ cấu dân số tỉnh Thanh Hóa từ năm 1999 đến nay

Nguyễn Thị Dung 48

- Cuộc đời, sự nghiệp của chúa Trịnh Căn và việc tôn tạo ngôi mộ Chúa

Hương Nao 52

- Múa đèn - Bản nông lịch của cư dân nông nghiệp cổ Đông Sơn

Trần Thị Liên 57

ĐẨY MẠNH PHONG TRÀO THI ĐUA, PHÁT HUY SỨC SÁNG TẠO CỦA ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, GÓP PHẦN HOÀN THÀNH THẮNG LỢI CÁC MỤC TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA TỈNH NĂM 2022

Nguyễn Quốc Uy

Phó Chủ tịch

Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa

Ngày nay, trước sự phát triển nhanh chóng của khoa học và công nghệ (KH&CN), của kinh tế tri thức, đội ngũ trí thức trở thành nguồn lực đặc biệt quan trọng tạo nên sức mạnh của mỗi quốc gia. Trong thời kỳ đổi mới, kế thừa và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta luôn đề cao vai trò của tầng lớp trí thức. Đảng xác định: “Trí thức Việt Nam là lực lượng lao động sáng tạo đặc biệt quan trọng trong tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập kinh tế”. Những năm qua, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa (Liên hiệp hội) đã tổ chức phát động phong trào thi đua nhằm tập hợp,

đoàn kết, phát huy trí tuệ, sức sáng tạo của đội ngũ trí thức KH&CN, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của quê hương, đất nước.

Phát huy vai trò là tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc tỉnh, thời gian qua, Liên hiệp hội đã thực hiện tốt chức năng là cầu nối giữa Đảng, Nhà nước và đội ngũ trí thức; tích cực hưởng ứng, chỉ đạo các hội thành viên, các tổ chức KH&CN trực thuộc tham gia các cuộc vận động, phong trào thi đua do Trung ương và tỉnh phát động; lắng nghe, tập hợp những kiến nghị và nguyện vọng chính đáng của cán bộ, hội viên để phản ánh, tạo

sự đồng thuận trong xã hội, góp phần tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc... Đồng thời, tham gia tích cực và phát huy vai trò của các hội thành viên, các chuyên gia, nhà khoa học trong công tác tư vấn, phản biện xã hội những văn bản có tính quy phạm pháp luật, nghị quyết, đề án do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh tổ chức; tham gia các hội đồng khoa học phản biện chuyên ngành cấp tỉnh; tham gia giám sát cùng các bộ, ngành, Trung ương và các chương trình, đề án, dự án đầu tư xây dựng quan trọng trên địa bàn tỉnh.

Bên cạnh đó, Liên hiệp hội không ngừng phát triển tổ chức, mở rộng kết nạp hội viên, thực hiện có kết quả các nhiệm vụ chuyên môn.

Đến nay, Liên hiệp hội có 34 hội thành viên, 4 trung tâm KH&CN trực thuộc, Quỹ Thanhfotec và 5 đơn vị liên kết với hơn 23 nghìn cán bộ, hội viên; đã ký kết và thực hiện chương trình phối hợp hoạt động với Viện Nông nghiệp Thanh Hóa và Trường Đại học Hồng Đức nhằm phát huy trí tuệ của đội ngũ trí thức tham gia nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng

cho tỉnh thêm căn cứ, cơ sở khoa học để xem xét quyết định các vấn đề quan trọng phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Đến nay, Liên hiệp hội đã tập hợp được đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học giàu kinh nghiệm, đủ năng lực thực hiện các nhiệm vụ tư vấn, phản biện và giám định xã hội trên nhiều lĩnh vực. Năm 2021, Liên hiệp hội

cấp tỉnh, cấp ngành và cơ sở một cách có hiệu quả.

Công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức, hướng dẫn chuyển giao những tiến bộ KH&CN vào sản xuất của Liên hiệp Hội được thực hiện thường xuyên, góp phần quan trọng vào việc nâng cao dân trí, tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa, giảm nghèo bền vững, cải thiện chất lượng cuộc sống nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội. Trong đó, ấn phẩm tập san Khoa học Thanh Hóa xuất bản định kỳ hàng quý và trang thông tin điện tử tusta.org.vn với nội dung phong phú, đa dạng, cập nhật thường xuyên và kịp thời các hoạt động của Liên hiệp hội và các hội thành viên, tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước, phổ biến kiến thức về văn hóa, xã hội, KH&CN,...; trở thành diễn đàn của đội ngũ trí thức KH&CN Thanh Hóa. Ngoài ra, Liên hiệp hội còn tổ chức các hội nghị thông tin, phổ biến kiến thức theo chủ đề cho các hội thành viên; hỗ trợ một số hội thành viên tổ chức các hội nghị, hội thảo ươm mầm sáng tạo, ươm mầm trí thức KH&CN và các hội thảo, tập huấn về



Lễ Tổng kết và trao giải Hội thi Sáng tạo kỹ thuật Thanh Hóa lần thứ 12 (2020 - 2021)

KH&CN vào đời sống, kinh tế - xã hội của tỉnh.

Hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội được xác định là một trong những nhiệm vụ quan trọng, khẳng định vị thế, vai trò của Liên hiệp hội. Đội ngũ trí thức KH&CN có cơ hội tham gia các hoạt động tư vấn và hội đồng khoa học chuyên ngành, tham mưu

đã tổ chức phản biện thành công 10 nhiệm vụ do Chủ tịch UBND tỉnh giao, chất lượng báo cáo phản biện được Tỉnh ủy, UBND tỉnh, cơ quan chủ trì xây dựng các chương trình, đề án, dự án đánh giá cao; ngoài ra, các hội chuyên ngành cũng tham gia tư vấn, phản biện, giám định xã hội hàng trăm đề án, đề tài, chương trình

KHOA HỌC THANH HÓA

tiền bộ kỹ thuật cho cán bộ, hội viên và người dân.

Công tác thi đua, khen thưởng, tôn vinh trí thức luôn được Liên hiệp hội chú trọng quan tâm, góp phần gắn kết các hội thành viên với Liên hiệp hội, giữa các hội thành viên với nhau. Cụ thể, Liên hiệp hội đã chủ trì, phối hợp với Sở KH&CN, Liên đoàn Lao động tỉnh, Tỉnh đoàn thanh niên công sản Hồ Chí Minh và một số đơn vị có liên quan đẩy mạnh phong trào quần chúng tham gia hoạt động sáng tạo KH&CN thông qua việc định kỳ tổ chức các Giải thưởng Sáng tạo Khoa học công nghệ, Hội thi Sáng tạo kỹ thuật, Cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên, nhi đồng. Các hoạt động trên được lan tỏa rộng rãi và được triển khai trong toàn tỉnh đã

góp phần thúc đẩy việc áp dụng có hiệu quả các giải pháp sáng tạo kỹ thuật vào sản xuất và đời sống, phát triển kinh tế - xã hội; khơi dậy tiềm năng và phát huy tư duy sáng tạo của các tầng lớp nhân dân.

Trong năm 2021, Liên hiệp hội đã lựa chọn, hướng dẫn hoàn thiện và gửi 6 công trình tham dự Giải thưởng Sáng tạo Khoa học công nghệ Việt Nam, kết quả có 2 công trình đạt giải (1 giải Ba, 1 giải Khuyến khích). Tổ chức thành công Hội thi Sáng tạo kỹ thuật Thanh Hóa lần thứ 12 (2020 - 2021) với 34/107 giải pháp hợp lệ đạt giải cấp tỉnh; lựa chọn 18 giải pháp tham gia dự thi Hội thi toàn quốc, kết quả có 3 giải pháp đạt giải (1 giải Nhất, 1 giải Nhì, 1 giải Khuyến khích). Phối hợp tổ chức thành công

Cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên, nhi đồng tỉnh năm 2021, kết quả có 20 mô hình, giải pháp đạt giải cấp tỉnh, trong đó có 2 mô hình, giải pháp xuất sắc đạt giải Nhì Cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên, nhi đồng toàn quốc. Bên cạnh đó, Liên hiệp hội đã phối hợp với Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh, Sở KH&CN, Liên đoàn Lao động tỉnh và các đơn vị có liên quan lựa chọn 1 công trình KH&CN tiêu biểu báo cáo UBND tỉnh giới thiệu đưa vào Sách vàng Sáng tạo Việt Nam năm 2021. Tham gia tổ chức Hội thi Tin học trẻ toàn tỉnh lần thứ XXIV đạt kết quả tốt...

Ngoài ra, Liên hiệp hội đã tham mưu cho UBND tỉnh thống nhất phối hợp với Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam và các ban, bộ, ngành Trung ương dự kiến tổ chức Hội thảo khoa học toàn quốc "Sáng tạo KHCN thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam" vào Quý III/2022 để nhằm tổng kết và thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật của các công trình đoạt giải thưởng Sáng tạo Khoa học công nghệ Việt Nam, Hội thi Sáng tạo kỹ thuật toàn quốc vào sản xuất và đời sống.



Liên hiệp hội tổ chức Hội nghị thông tin, phổ biến kiến thức tháng 11/2021

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động của Liên hiệp hội còn một số tồn tại, hạn chế, chưa phát huy được hết sức sáng tạo của đội ngũ trí thức KH&CN, đó là:

Các hội thành viên và tổ chức KH&CN trực thuộc tuy có phát triển về số lượng nhưng chất lượng và hiệu quả hoạt động chưa cao; nội dung và hình thức hoạt động chưa thực sự đổi mới, chưa hấp dẫn trí thức trẻ, trí thức trong các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Các hội nghị, hội thảo khoa học, hội nghị thông tin, phổ biến kiến thức chưa được tổ chức theo kế hoạch do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19; còn nhiều vấn đề lớn được xã hội quan tâm nhưng chưa được tổ chức thành diễn đàn khoa học chuyên nghiệp để đội ngũ trí thức bày tỏ quan điểm và đóng góp ý kiến. Hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội của các hội thành viên còn hạn chế về số lượng và chất lượng,... chưa tương xứng với và tiềm năng của đội ngũ trí thức trên địa bàn tỉnh.

Các hội thi, cuộc thi, giải thưởng do Liên hiệp hội chủ trì, phối hợp tuy đã đổi mới, thay đổi về phương thức tổ chức nhưng chưa thu hút được sự tham gia đông đảo của các tầng lớp

nhân dân. Công tác thi đua, khen thưởng và tôn vinh trí thức chưa được sự quan tâm đúng mức của các đơn vị thành viên, các cơ quan, ban, ngành, tổ chức, doanh nghiệp, vì vậy, đội ngũ trí thức KH&CN trên địa bàn tỉnh chưa tiếp cận đúng, đầy đủ thông tin về công tác này.

Năm 2022, đại dịch COVID-19 dự báo còn diễn biến phức tạp, tỉnh Thanh Hóa tiếp tục phải đối diện với rất nhiều khó khăn, thách thức và đang quyết tâm, nỗ lực đưa nền kinh tế của tỉnh sớm phục hồi sau đại dịch, phát triển nhanh và mạnh mẽ hơn nữa nhằm từng bước hiện thực các mục tiêu đã đề ra. Trong bối cảnh đó, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, sự nỗ lực, quyết tâm của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Cơ quan Thường trực, các đơn vị thành viên, Liên hiệp hội đang tranh thủ những điều kiện thuận lợi và đưa ra những giải pháp tích cực chỉ đạo cán bộ, hội viên vượt qua khó khăn, thử thách, từ đó thể hiện rõ vai trò là tổ chức chính trị - xã hội vững mạnh để tập hợp, đoàn kết và phát huy trí tuệ của đội ngũ trí thức KH&CN của

tỉnh, góp phần xây dựng quê hương, đất nước.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 5/8/2020 của Bộ Chính trị về "Xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045"; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX; Nghị quyết Đại hội Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam lần thứ VIII nhiệm kỳ 2020 - 2025, Nghị quyết Đại hội Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa lần thứ VI, nhiệm kỳ 2018 - 2023, để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị được giao, phát huy vai trò của đội ngũ trí thức KH&CN, đóng góp vào sự phát triển chung của tỉnh, Ban Thường vụ Liên hiệp hội đã ban hành kế hoạch số 623/KH-LHH ngày 10/01/2022 về phát động phong trào thi đua yêu nước trong toàn hệ thống Liên hiệp hội, trong đó tập trung vào các nội dung:

Một là, phát động thi đua trong đội ngũ trí thức KH&CN thực hiện tốt các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; lập thành tích xuất sắc kỷ niệm ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam 18/5, gắn với các hoạt động

KH&CN, thực hiện “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” trong cán bộ, hội viên theo tinh thần Chỉ thị 05-CT/TW ngày 15/5/2016 và Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị (khóa XIII); các ngày kỷ niệm trọng đại của dân tộc, của tỉnh trong năm 2022.

Hai là, đoàn kết, tập hợp đội ngũ trí thức KH&CN trên địa bàn của tỉnh. Triển khai hoạt động thông tin, phổ biến kiến thức về khoa học và công nghệ trên các phương tiện thông tin đại chúng và các ấn phẩm truyền thông của Liên hiệp hội; chú trọng đến các hoạt động chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật cho cộng đồng; đẩy mạnh hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội của Liên hiệp hội và các hội thành viên. Tổ chức tốt các hội thi, cuộc thi sáng tạo kỹ thuật, tham gia Giải thưởng Sáng tạo khoa học công nghệ Việt Nam.

Ba là, tiếp tục thực hiện tốt Kế hoạch số 166-KH/TU ngày 16/8/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 52-KL/TW của Ban Bí thư (khóa XII) về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 (khóa X) về xây dựng đội ngũ trí thức

trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; Chỉ thị 42-CT/TW của Bộ Chính trị, thực hiện Kết luận số 93-KL/TW của Ban Bí thư (khóa XII) về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa X) về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Bốn là, vận động trí thức KH&CN tích cực tham gia các cuộc vận động do Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Liên hiệp hội Việt Nam phát động. Phối hợp tổ chức các hoạt động giữa Liên hiệp hội với các sở, ban, ngành và các hội thành viên, trung tâm trực thuộc, đơn vị liên kết trong năm 2022 đạt kết quả tốt.

Thực hiện có hiệu quả các mục tiêu đề ra theo Kế hoạch phát động phong trào thi yêu nước, tạo điều kiện phát huy trí tuệ, sức sáng tạo của đội ngũ trí thức KH&CN; đồng thời khẳng định sự tin tưởng vào các cuộc vận động, phong trào thi đua sẽ tiếp tục được lan tỏa mạnh mẽ và trở thành động lực quan trọng để đội ngũ trí KH&CN tham gia, góp phần hoàn thành thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh./.

😊 **Giai thoại vui** 😊

NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CHÍNH XÁC

Người phát minh ra phương pháp lưu hóa cao su là Ch.Goodyear. Ông là người nghèo túng nhưng kiên trì theo đuổi công việc của mình.

Một hôm có một chủ xưởng máy hỏi người bạn của mình làm thế nào tìm gặp được Goodyear, người này bèn bảo:

- Anh cứ tìm người nào mặc quần cao su, áo cao su, đi giày cao su, đội mũ cao su, có một cái ví bằng cao su nhưng không có lấy một đồng xu thì... đó chính là Goodyear.”

PHÁT MINH DO ... NGỪ QUÊN

Một đêm Carothers, nhà hóa học Mỹ, sau nhiều ngày đêm làm việc căng thẳng, định chớp mắt ít phút. Nhưng... ông đã ngủ liền tới sáng. Tỉnh dậy, ông hết hoảng lo cho tất cả công sức thí nghiệm: Có lẽ đã tan thành mây khói? Ai ngờ, khi vừa nhấc chiếc đĩa thủy tinh ở trong bình phản ứng lên, ông thấy chiếc đĩa mềm nhũn và kéo theo một hỗn hợp có dạng sợi nhỏ mỏng manh óng ánh rất đẹp. Đó là sợi tổng hợp poliamit đầu tiên trên thế giới - sợi nylon ngày nay.

(Sưu tầm)

Trường Chính trị tỉnh với định hướng ưu tiên đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa

TS. Lương Trọng Thành

Tỉnh ủy viên, Hiệu trưởng

Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa

Để thực hiện được mục tiêu, quan điểm đề ra trong Nghị quyết số 58/NQ-TW của Bộ Chính trị (khóa XII) về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, đòi hỏi phải thực hiện nhiều giải pháp, trong đó cần thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển giao ứng dụng và phát triển mạnh khoa học và công nghệ (KH&CN), coi trọng việc tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận; tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả khâu đột phá về nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao KH&CN. Đứng trước yêu cầu này, Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa đã xây dựng định hướng ưu tiên đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN giai đoạn 2023 - 2025, góp phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa.

Trong các nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội, KH&CN là một thành tố đóng vai trò rất quan trọng. Xét về lý thuyết cũng như thực tiễn, cho thấy KH&CN luôn thúc đẩy tăng trưởng kinh tế thông qua tác động đến tổng cung và tổng cầu. KH&CN góp phần mở rộng khả năng phát hiện và khai thác có hiệu quả các nguồn lực. Sản phẩm KH&CN đóng góp trực tiếp vào GDP, quyết định chất lượng tăng trưởng, nâng cao năng lực cạnh tranh, chuyển đổi mô

hình phát triển kinh tế từ chiều rộng sang chiều sâu.

Nhận thức rõ vị trí, vai trò của KH&CN đối với phát triển kinh tế - xã hội, từ năm 2015 Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2015 - 2020 đã xác định: “Nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân, góp phần quan trọng thực hiện các mục tiêu đại hội”¹.

Do được xác định là 1 trong 4 khâu đột phá của tỉnh giai đoạn 2015 - 2020, nhờ đó KH&CN đã trở thành động lực quan trọng nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Là đơn vị sự nghiệp của tỉnh, Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa có chức năng tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý của hệ thống chính trị cấp cơ sở...; tham gia tổng kết thực tiễn, nghiên cứu khoa học về xây

KHOA HỌC THANH HÓA

dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị ở địa phương, quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng về vị trí, vai trò của nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn; đặc biệt đề cụ thể hóa các chương trình trọng tâm, các khâu đột phá của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2010 - 2015 và nhiệm kỳ 2015 - 2020, Đảng ủy, Ban Giám

chính trị, phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Theo đó, từ năm 2011 đến nay được sự quan tâm, tạo điều kiện của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, sự phối hợp chặt chẽ của Sở KH&CN, hoạt động nghiên cứu khoa học của nhà trường đã đạt được những kết quả nhất định. Nhà trường đã đề xuất và tổ chức nghiên cứu 14 đề



Trường Chính trị tỉnh tổ chức Hội thảo khoa học thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng các mô hình, điển hình góp phần hoàn thành các tiêu chí trường chính trị chuẩn hiện nay.

hiệu nhà trường đã xác định thông qua hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên; nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; cung cấp luận cứ khoa học để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền đối với công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống

tài khoa học cấp tỉnh, trong đó có 11/14 đề tài nghiên cứu được đánh giá, nghiệm thu, 10/11 đề tài xếp loại xuất sắc. Đặc biệt năm 2020 đề tài KH&CN “Nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp ủy và quản lý của chính quyền cấp xã trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa hiện nay” đã đoạt giải B Giải thưởng KH&CN cấp tỉnh năm 2020.

Các đề tài KH&CN cấp tỉnh của nhà trường tập trung vào 3 nhóm nội dung cơ bản đó là: (1) Nghiên cứu, xây dựng các chương trình, biên soạn tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ công tác xây dựng Đảng; nghiệp vụ dân vận cho cán bộ MTTQ và một số tổ chức đoàn thể; giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chủ chốt cấp xã; kỹ năng lãnh đạo, quản lý cho cán bộ cấp xã... góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng của Nhà trường. (2) Nghiên cứu và đề xuất các giải pháp nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị cấp xã như nâng cao năng lực quản lý điều hành của đội ngũ lãnh đạo, quản lý cấp phòng thuộc UBND huyện; nâng cao đạo đức công vụ cho cán bộ, công chức cấp xã; phát triển đội ngũ nữ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa hiện nay... góp phần nâng cao năng lực công tác của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa trong phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. (3) Nghiên cứu làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về vai trò lãnh đạo của cấp ủy Đảng, quản lý của chính quyền trong xây dựng

nông thôn mới; chất lượng hoạt động của HĐND cấp xã; phát triển kinh tế hợp tác trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; đề xuất, kiến nghị các giải pháp về xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và xây dựng đội ngũ cán bộ ở địa phương, cơ sở.

Nét mới và sáng tạo trong hoạt động nghiên cứu khoa học của nhà trường là từ các sản phẩm nghiên cứu, Trường Chính trị tỉnh đã phối hợp với các nhà xuất bản có uy tín biên tập 35 đầu sách tham khảo, chuyên khảo phục vụ công tác nghiên cứu, dạy - học, công tác lãnh đạo, quản lý của nhà trường và cấp ủy, chính quyền, địa phương cơ sở. Trong đó, có nhiều đầu sách đã được Ban Tuyên giáo Trung ương đưa vào chương trình sách quốc gia và giao cho Nhà Xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật phối hợp với Trường Chính trị tỉnh biên tập phục vụ các xã, phường, thị trấn trong cả nước.

Với việc chủ động nghiên cứu và xây dựng các chương trình bồi dưỡng, các đề tài nghiên cứu đã giúp cho công tác đào tạo, bồi dưỡng của nhà trường thích ứng với yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới là chuyển mạnh từ đào tạo là chủ yếu sang đào

tạo và bồi dưỡng; Một số đề tài nghiên cứu không chỉ phục vụ trực tiếp cho nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng của Nhà trường mà có đóng góp cho việc hoàn thiện lý luận; bước đầu cung cấp được các luận cứ khoa học phục vụ cho công tác lãnh đạo, quản lý ở cơ sở và tư vấn thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh.

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII mở ra tầm nhìn phát triển của đất nước cho từng giai đoạn: Đến năm 2025 là nước đang phát triển có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp; Đến năm 2030, là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; Đến 2045, trở thành nước phát triển, thu nhập cao².

Tại Nghị quyết số 58-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa XII) và Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã xác định phấn đấu đến năm 2025 Thanh Hóa trong nhóm các tỉnh dẫn đầu cả nước - một cực tăng trưởng mới, cùng với Hà Nội, Hải Phòng và Quảng Ninh tạo thành tứ giác phát triển ở phía Bắc của Tổ quốc; đến năm 2030, trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại, người dân

có mức sống cao hơn bình quân cả nước³. Nghị quyết yêu cầu tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ⁴; tiếp tục xây dựng hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; nhất là phải xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm với yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn mới⁵.

Để thực hiện được mục tiêu, quan điểm này đòi hỏi phải thực hiện nhiều giải pháp, trong đó cần thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển giao ứng dụng và phát triển mạnh KH&CN, coi trọng việc tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận; tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả khâu đột phá về nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao KH&CN; chủ động tích cực tham gia Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững⁶.

Theo đó, mục tiêu nhà trường đặt ra là, nghiên cứu làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn của những quan điểm mới của Đảng, Nhà nước về các lĩnh vực Xây dựng được các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng, quy trình tổ chức và thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp; quy trình xây dựng

và nhân rộng các mô hình... Đề xuất, kiến nghị với Tỉnh ủy, UBND tỉnh hoàn thiện thể chế, thiết chế, cơ chế vận hành, phối hợp và đổi mới phương thức quản trị, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp trong xây dựng Đảng; xây dựng chính quyền và hệ thống chính trị; trong lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững...

Nhà trường sẽ bám sát các chương trình trọng tâm, khâu đột phá của Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp; Kết luận số 729-KL/TU, ngày 14/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng và phát triển Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Đề án “Phát triển KH&CN và đổi mới sáng tạo tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2025”, để tập trung vào một số nhóm nhiệm vụ sau:

Về lĩnh vực kinh tế: Nghiên cứu các vấn đề về đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn; liên kết xây dựng chuỗi giá trị; tích tụ đất đai nhằm thúc đẩy sản xuất nông nghiệp quy mô lớn; xây dựng và phát triển sản phẩm OCOP...

Về lĩnh vực văn hóa: Nghiên cứu về văn hóa Đảng, văn hóa công vụ, văn hóa ứng xử

của cán bộ, công chức; xây dựng tác phong hình ảnh của cán bộ, công chức tỉnh Thanh Hóa; phát huy truyền thống văn hóa, lịch sử; về xây dựng hình ảnh con người xứ Thanh; xây dựng và nhân rộng các mô hình, điển hình trong thực hiện các phong trào thi đua của tỉnh; học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh...

Về lĩnh vực xã hội: Nghiên cứu các vấn đề về chính sách an sinh xã hội, công tác giảm nghèo nhanh và bền vững; giải quyết việc làm; phát triển bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế toàn dân; cơ chế tự chủ trong giáo dục...

Về công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị: Nghiên cứu giải pháp nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền của Đảng; nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ; công tác tạo nguồn và kết nạp đảng viên; chất lượng, hiệu quả sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực; công tác cải cách hành chính; nâng cao năng lực thực thi thủ tục hành chính của cán bộ, công chức cấp xã; xây dựng chính quyền các cấp kiến tạo, phục vụ; nâng cao chỉ số PCI (năng

lực cạnh tranh cấp tỉnh), chỉ số PAPI (quản trị và hành chính công) của chính quyền cấp huyện, cấp xã; chỉ số DCCI (chỉ số về năng lực cạnh tranh các sở, ban ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện); nâng cao chất lượng hoạt động giám sát và phản biện xã hội của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội; nâng cao năng lực tổng kết thực tiễn của cán bộ chủ chốt cấp huyện, cấp xã; nâng cao năng lực xử lý tình huống của cán bộ, công chức cấp xã...

Về công tác xây dựng và đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ: Nghiên cứu giải pháp đánh giá hiệu quả sau đào tạo, bồi dưỡng; giải pháp nâng cao năng lực tổ chức và thực hiện nghị quyết đại hội Đảng các cấp; năng lực xử lý tình huống, năng lực tổng kết thực tiễn của cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp; nâng cao chất lượng hoạt động của các chức danh kiêm nhiệm, nhất là chức danh bí thư chi bộ kiêm trưởng thôn; cơ chế, chính sách khuyến khích đội ngũ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới, sáng tạo vì lợi ích chung...

Về nghiên cứu và phát triển lý luận: Nghiên cứu làm rõ những giá trị bền vững của Chủ nghĩa Mác

- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đồng thời nghiên cứu, nhận diện những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị; lười, ngại học lý luận chính trị, nghị quyết của Đảng.... từ đó có giải pháp khắc phục; chủ động đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; nghiên cứu mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội trong phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; nghiên cứu mối quan hệ giữa cơ chế lãnh đạo của Đảng, quản lý của chính quyền và làm chủ của Nhân dân...

Các giải pháp được nhà trường đặt ra là phát huy vai trò của Đảng ủy, Ban Giám hiệu trong việc: (1) kịp thời quán triệt các văn bản, nghị quyết của Đảng về phát triển KH&CN; đặc biệt là Kế hoạch số 27-KH/TU, ngày 13-8-2021 của Tỉnh ủy Thanh Hóa về “Nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao KH&CN; chủ động, tích cực tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư phục vụ phát triển KT-XH nhanh và bền vững” nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, đảng viên nhà trường trong việc nghiên cứu và coi đây

là hoạt động quan trọng sớm hoàn thành tiêu chí xây dựng trường chính trị đạt chuẩn trước năm 2025 theo kết luận của Ban Thường vụ, đồng thời là một trong những tiêu chí đánh giá chất lượng đội ngũ; (2) phê duyệt chương trình nghiên cứu giai đoạn 2023 - 2025; (3) tiếp tục tạo cơ chế, môi trường thúc đẩy phong trào thi đua 5 tốt: “nghiên cứu tốt; tham mưu tốt; quản trị tốt, dạy - học tốt, tư vấn tốt”. Trong đó, thực hiện tốt phương châm xã hội hóa nghiên cứu tìm hiểu, ưu tiên nghiên cứu phát hiện, khuyến khích nghiên cứu tư vấn; coi nghiên cứu cấp khoa/phòng là nền tảng; nghiên cứu cấp trường là nâng cao; nghiên cứu cấp tỉnh là đột phá. Phát huy vai trò của Hội đồng khoa học và các nhóm nghiên cứu trong việc: (1) cụ thể hóa định hướng nghiên cứu thành các nhiệm vụ khoa học cấp trường và cấp tỉnh giai đoạn 2023 - 2025; (2) phối hợp với các cơ quan, đơn vị đặc biệt là Sở KH&CN, kịp thời đề xuất với Hội đồng khoa học tỉnh, UBND tỉnh phê duyệt các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học cấp tỉnh; (3) tập trung nguồn lực nâng cao chất lượng nghiên cứu và sử dụng phát huy có hiệu quả các sản phẩm góp phần

xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; xây dựng đội ngũ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới, sáng tạo vì sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Cùng với sự chủ động đề xuất nhiệm vụ nghiên cứu, nhà trường đề nghị Tỉnh ủy, UBND tỉnh tăng cường đặt hàng các nhiệm vụ nghiên cứu; Hội đồng khoa học tỉnh mở rộng các nhiệm vụ đấu thầu. Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện cơ chế phát huy, sử dụng có hiệu quả các sản phẩm nghiên cứu như tăng cường công tác truyền thông; đổi mới kết quả nghiên cứu có chất lượng tốt cần tiếp tục hỗ trợ, lồng ghép với các nguồn lực khác để tăng số lượng đầu sách phục vụ cho xã, phường, thị trấn và phát triển văn hóa đọc trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân./.

(1) Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2015 - 2020.

(2) Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, tr36

(3) (4) (5) (6) Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, Nxb Thanh Hóa.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về trí thức, xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức

Khổng Mạnh Tiến

Phó Chủ tịch

Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Phú Thọ

Tư tưởng Hồ Chí Minh về trí thức nói chung, về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức nói riêng là một bộ phận cấu thành quan trọng trong toàn bộ hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, là một di sản tinh thần quý báu mà chúng ta cần kế thừa và phát huy trong giai đoạn hiện nay, đặc biệt trong thời kỳ hội nhập kinh tế thế giới.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận định: "Trí thức Việt Nam là tầng lớp có học thức, kiến thức, hiểu biết, có tinh thần yêu nước nồng nàn và có ý thức dân tộc cao, trí thức Việt Nam là một bộ phận trong lực lượng cách mạng".



Chủ tịch Hồ Chí Minh với đại biểu trí thức dự Hội nghị Chính trị đặc biệt tháng 3/1964 (Sưu tầm)

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đề cao vai trò của trí thức và chú trọng đến phát triển đội ngũ trí thức. Người luôn trân trọng và động viên đội ngũ trí thức đóng góp vào sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Ngay từ những

ngày đầu của chế độ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Người đã từng nói: "Những người trí thức tham gia cách mạng, tham gia kháng chiến rất quý báu cho Đảng. Không có những người đó thì công việc cách mạng khó khăn

thêm nhiều". Trả lời các nhà báo nước ngoài về vai trò, vị trí của đội ngũ trí thức trong nhận thức, chính sách của Chính phủ cũng như trong thực tiễn cách mạng ở Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định : "Trí thức là vốn liếng quý báu của dân tộc. Ở nước khác như thế, ở Việt Nam càng như thế".

Ngay khi nước nhà mới giành được độc lập, để tìm người tài đức ra gánh vác việc nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết bài "Nhân tài và kiến quốc" đăng trên báo Cứu quốc ngày 14/11/1945, với quan điểm: "Kiến thiết cần có nhân tài. Nhân tài nước ta dù chưa có nhiều lắm nhưng nếu chúng ta khéo lựa chọn, khéo phân phối, khéo dùng thì nhân tài càng ngày càng phát triển càng thêm nhiều". Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, mặc dù trong bối cảnh đất nước đứng trước vô vàn khó khăn, thách thức của những công việc cần kíp giải quyết sau ngày độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nghĩ đến việc mời các chuyên gia, các nhà khoa học người Việt Nam và cả nước ngoài về Việt Nam cộng tác, làm việc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng khẳng định việc dùng nhân tài không nên quá khắt

khe, miễn họ có lòng trung thành với Tổ quốc, không phản bội lại quyền lợi nhân dân là có thể dùng được. Người cho rằng những người "tài to ta dùng làm việc to, tài nhỏ ta cất làm việc nhỏ, ai có năng lực về việc gì, ta đặt ngay vào việc ấy". Người còn căn dặn có rất nhiều nhân tài ngoài Đảng và chúng ta không được bỏ rơi họ, xa cách họ. Chúng ta phải thật thà đoàn kết với họ, nâng đỡ họ. Phải thân thiết với họ, gần gũi họ, đem tài năng của họ giúp ích vào công cuộc kháng chiến cứu nước. Từ tư tưởng trọng dụng trí thức, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã quy tụ xung quanh mình rất nhiều những trí thức nổi tiếng toàn tâm, toàn ý vì đất nước và nhân dân.

Mặc dù rất tôn trọng và đánh giá cao vai trò của trí thức, nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh là một nhà thực hành và lấy hiệu quả công việc cụ thể làm thước đo, nên Người đề cao và đánh giá những trí thức thực học, thực nghiệp, tức là người có những đóng góp thiết thực, cụ thể cho đất nước, cho nhân dân và cho xã hội bằng những sáng kiến, công trình. Trong tác phẩm "Sửa đổi lối làm việc", Người khẳng định: "Trí thức

là hiểu biết... Một người học xong đại học, có thể gọi là trí thức. Song y không biết cày ruộng, không biết làm công, không biết đánh giặc, không biết làm nhiều việc khác. Nói tóm lại: công việc thực tế, y không biết gì cả. Thế là y chỉ có trí thức một nửa. Trí thức của y là trí thức học sách, chưa phải trí thức hoàn toàn. Y muốn thành một người trí thức hoàn toàn, thì phải biết đem cái trí thức đó áp dụng vào thực tế". Người cũng khẳng định trí thức đáng trọng phải là trí thức "hết lòng phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân". Hồ Chí Minh đã phát triển tinh thần yêu nước và ý thức tự trọng dân tộc của trí thức. Người trân trọng trí thức, tìm kiếm người tài đức; tin dùng, mạnh dạn trao cho người trí thức những chức vụ tương xứng với tài năng và đức độ của họ. Người cho rằng, trí thức Việt Nam nói chung đều có lòng tự trọng, tự tin và ham tiến bộ, mong được giao những nhiệm vụ phù hợp với năng lực, sở trường, đồng thời không ngừng chăm lo đào tạo đội ngũ trí thức mới. Từ những trăn trở đối với trí thức, trong Di chúc, Hồ Chí Minh đã căn dặn về Đảng, về Đoàn viên và thanh niên,

bồi dưỡng thể hệ cách mạng cho đời sau, về việc riêng và cả đối với trí thức: “Những chiến sỹ trẻ tuổi trong các lực lượng vũ trang nhân dân và thanh niên xung phong đều đã được rèn luyện trong chiến đấu và đều tỏ ra dũng cảm. Đảng và chính phủ cần chọn một số ưu tú nhất, cho các cháu ấy đi học thêm các ngành, các nghề, để đào tạo thành những cán bộ và công nhân có kỹ thuật giỏi, tư tưởng tốt, lập trường cách mạng vững chắc. Đó là đội quân chủ lực trong công cuộc xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội ở nước ta”. Nguyên vọng của Hồ Chí Minh là đào tạo những người ưu tú thành những cán bộ, công nhân có trình độ kỹ thuật giỏi và lập trường tư tưởng vững chắc để xây dựng chủ nghĩa xã hội, giáo dục đào tạo được coi là bước quan trọng để có những cán bộ và công nhân có kỹ thuật giỏi.

Khi nói đến con đường hình thành và phát triển đội ngũ trí thức mới, trong đó có các nhà khoa học, trong bài “Đảng Lao động Việt Nam với lao động trí óc”, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: “Đào tạo trí thức mới. Cải tạo trí thức cũ. Công nông trí thức hóa. Trí thức

công nông hóa”. Ngay trong những ngày đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, nhiều cán bộ đã được Người cử ra nước ngoài học tập. Nhiều nhà khoa học theo tiếng gọi thiêng liêng của Người đã từ bỏ cuộc sống cao sang nơi “đất khách quê người” về nước tham gia hai cuộc kháng chiến gian khổ nhưng vô cùng vinh quang của dân tộc. Chính họ là những người đã góp phần xứng đáng của mình vào sự nghiệp khoa học và công nghệ hiện đại nước nhà. Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên quan tâm làm tất cả những gì có thể vì sự phát triển nền khoa học công nghệ của đất nước. Người đặc biệt coi trọng việc tập hợp trí thức, trọng dụng nhân tài, chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật.

Ngày nay, cùng với sự phát triển nhanh chóng của cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, đội ngũ trí thức trở thành nguồn lực đặc biệt quan trọng, tạo lên sức sản xuất của mỗi quốc gia trong chiến lược phát triển. Chính vì vậy, một trong những mục tiêu cơ bản Đảng ta đề ra trong hội nghị Trung ương 7

khóa X là: “Đến năm 2020, xây dựng đội ngũ trí thức lớn mạnh, đạt chất lượng cao, số lượng và cơ cấu hợp lý, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước, từng bước tiến lên ngang tầm với trình độ trí thức các nước trong khu vực và trên thế giới. Gắn bó vững chắc giữa Đảng và Nhà nước với trí thức, giữa trí thức với Đảng và Nhà nước, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh công - nông - trí”.

Ngày 30/5/2019, Ban Bí thư ban hành Kết luận (số 52-KL/TW) về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 khóa X về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong đó đã đề ra các nhiệm vụ, giải pháp: Tiếp tục hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách bảo đảm trọng dụng, phát huy tốt đội ngũ trí thức. Phát huy mạnh mẽ tinh thần khởi nghiệp sáng tạo và trách nhiệm của trí thức đối với xã hội. Tận dụng tiềm năng, cơ hội của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đẩy mạnh hình thành hạ tầng tri thức hỗ trợ thúc đẩy sáng tạo và truyền bá tri thức. Tôn trọng và phát huy tính tự chủ, nâng cao hiệu quả trong hoạt động nghiên cứu, sáng tạo, tư vấn,

phân biện của các nhà khoa học, chuyên gia, trí thức. Khuyến khích thúc đẩy, tạo điều kiện hoạt động nghiên cứu và triển khai công nghệ trong khu vực doanh nghiệp. Tăng cường huy động và đa dạng hóa các nguồn lực xã hội, thúc đẩy phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, thành lập các quỹ đổi mới sáng tạo, các cơ sở nghiên cứu, đào tạo phù hợp; Kiện toàn, tổ chức, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của các liên hiệp hội, hội trí thức theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Tăng cường sinh hoạt tư tưởng, nâng cao ý thức chính trị và trách nhiệm của đội ngũ trí thức. Xây dựng quy định về phát huy dân chủ, trách nhiệm,

đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, văn hóa và văn nghệ. Nâng cao hiệu quả hoạt động tư vấn, phân biện, giám định xã hội và hoạt động tuyên truyền, phổ biến kiến thức của các hội trí thức; xây dựng Chiến lược quốc gia về đội ngũ trí thức giai đoạn 2021 - 2030. Có chính sách khuyến khích cán bộ khoa học, trí thức học tập và làm việc ở các tổ chức quốc tế, cơ sở nghiên cứu khoa học, doanh nghiệp ở nước ngoài. Triển khai các chương trình cụ thể để thu hút và phát huy có hiệu quả nguồn lực các nhà khoa học, chuyên gia giỏi là người Việt Nam ở nước ngoài...

Trong giai đoạn mới của đất nước, với xu thế phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ, đặc biệt là Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, cùng với quá trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng mà trong đó khoa học công nghệ và trí thức đã trở thành động lực trực tiếp và quan trọng nhất thì những quan điểm của Hồ Chí Minh về trí thức, về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức, tấm gương đạo đức và tác phong của Người vẫn mãi mãi là kim chỉ nam, là động lực để chúng ta đẩy mạnh phát triển khoa học công nghệ trong thời kỳ đổi mới, xây dựng đất nước và hội nhập./.

Long Hạm

Hoàng giáp Nguyễn Thượng Hiền
(1868 - 1925)

*Tha nga kiệt cấu phù thương loan
Tinh tiết đặng lâm, trản nhật nhân
Thiên cổ li châu đo phúc địa
Thập niên hồng tuyết thử danh sơn
Giang hồ tâm sự thu vân ngoại
Thiên nhưỡng thanh thi phiến thạch nhân
Biệt hữu tàng chân thanh khế tại
Đông lai nguyệt sắc mãn tùng quan.*

(Rút trong "Thanh Hóa kỉ thắng")

Dịch thơ:

Hàm Rồng

*Núi vút sông xanh bóng tỏa soi
Ngày nhân cò ngự đến nơi rồi
Ngàn năm châu quý còn trong đất
Cảnh đẹp mười niên tuyết thử rơi
Tắc dạ mấy thu vì đất nước
Tiếng thơ giữa đá vẫn buông lời
Tâm lòng kín đáo ta còn giữ
Ánh nguyệt rừng tùng đông sáng soi.*

(Hương Nao dịch)

NHỮNG CHIẾN SĨ ÁO TRẮNG TRONG CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG DỊCH COVID-19

Phạm Ngọc Thơm

Phó Giám đốc Sở Y tế,

Chủ tịch Hội Dược học Thanh Hóa

Thế giới đã và đang tiếp tục đối mặt với virus SARS-CoV-2 (COVID-19). Đại dịch bùng phát ở Vũ Hán (Trung Quốc) tháng 12/2019 và nhanh chóng lan rộng ra khắp các châu lục, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến kinh tế, xã hội, sức khỏe và tính mạng của người dân hầu hết các quốc gia trên thế giới.

Tính đến ngày 21/3/2022, theo số liệu của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) ghi nhận: 470.159.467 ca mắc; 6.098.797 ca tử vong; 224 quốc gia và vùng lãnh thổ; có 55 quốc gia trên thế giới có số mắc trên 1.000.000 người, trong đó 5 nước có số ca mắc và tử vong nhiều nhất lần lượt là Mỹ, Ấn Độ, Brazil, Pháp, Anh.

Tại Việt Nam ghi nhận: 7.958.048 ca mắc COVID-19; 4.103.028 ca đã điều trị khỏi và 41.880 ca tử vong.



Lãnh đạo tỉnh, Sở Y tế tỉnh Thanh Hóa tiễn đoàn y, bác sĩ lên đường hỗ trợ thành phố Hồ Chí Minh chống dịch COVID-19

Tại Thanh Hóa từ ngày 27/4/2021 đến nay ghi nhận: số ca bệnh cộng dồn: 125.853; số bệnh nhân điều trị khỏi, ra viện, chuyển viện: 122.642; số bệnh nhân hiện đang điều trị: 3.138; số bệnh nhân hiện đang diễn biến nặng, nguy kịch: 46; số bệnh nhân tử vong cộng dồn: 73.

Không ai có thể lường trước mức độ ảnh hưởng sâu rộng đến mọi mặt đời sống xã hội trên phạm vi toàn cầu. Đại dịch kéo dài với quy mô lớn hơn nhiều so với dự báo. Những làn sóng lây nhiễm COVID-19 mới và các biện pháp nhằm hạn chế lây nhiễm áp đặt lên đời sống xã hội đã ảnh hưởng

ng nghiêm trọng đến sự tồn tại, vận hành và phát triển của nhiều quốc gia. WHO vẫn chưa thể khẳng định bao giờ đại dịch chấm dứt và việc phải chung sống với COVID-19 dường như là một thực tại hiện hữu.

Đại dịch COVID-19 xâm nhập vào Việt Nam từ cuối tháng 01/2020. Tỉnh Thanh Hóa là 1 trong 3 tỉnh đầu tiên phát hiện ca bệnh với trường hợp người Việt Nam đầu tiên được phát hiện ngày 24/01/2020, là bệnh nhân số 03, xã Định Hòa, huyện Yên Định và cũng là bệnh nhân người Việt Nam đầu tiên được chữa khỏi bệnh tại Thanh Hóa. Trong suốt hơn 2 năm qua với 4 đợt bùng phát đại dịch, các cán bộ ngành y tế tỉnh Thanh Hóa từ tuyến tỉnh tới cơ sở, kể cả công lập và ngoài công lập, từ các sinh viên ngành y tới các thầy thuốc đã nghỉ hưu đã phát huy truyền thống của quê hương Thanh Hóa anh hùng xông pha vào cuộc chiến đấu quyết liệt, hiểm nguy, thường xuyên, liên tục với đại dịch của thế kỷ. Các chiến sĩ áo trắng đã luôn là lực lượng xung kích đi đầu trong các lực lượng tuyến đầu, trên tất cả các mặt trận phòng, chống dịch như: giám sát, điều tra, truy vết, xét nghiệm, cách ly, điều trị, tiêm chủng vắc xin,

hỗ trợ các tỉnh, thành phía Nam, và hiện nay là thích ứng an toàn, linh hoạt, hiệu quả, góp phần quan trọng để tỉnh Thanh Hóa là một trong những tỉnh, thành phố đáp ứng có hiệu quả nhất với dịch bệnh. Các ảnh hưởng tiêu cực của dịch bệnh và tỷ lệ mắc, tỷ lệ tử vong được không chế ở mức thấp hơn nhiều so với bình quân trong cả nước cũng như trên thế giới. Góp phần cho tỉnh Thanh Hóa là một trong số ít tỉnh tiếp tục duy trì tăng trưởng kinh tế, giữ vững ổn định và phát triển kinh tế xã hội, đời sống nhân dân trong hơn hai năm ứng phó với đại dịch COVID-19.

Trong cuộc chiến phòng, chống dịch COVID-19, đội ngũ y, bác sĩ ngành Y tế là những “chiến sĩ áo trắng”, lực lượng thường trực ở tuyến đầu chịu nhiều áp lực, vất vả và phải đối mặt với nguy cơ lây nhiễm dịch bệnh rất cao. Chúng ta không thể nào quên những hình ảnh cảm động của những bác sĩ, nhân viên y tế phải gác lại mọi riêng tư, chấp nhận những hy sinh cá nhân, tận tình, chu đáo chăm sóc người bệnh; hay những khoảnh khắc, hành động cao đẹp lay động lòng người của những “chiến sĩ áo trắng” trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt của mùa hè oi nóng, dù đã kiệt sức nhưng quyết bám

trụ, chiến đấu với dịch bệnh, tất cả vì sức khỏe của người dân, của cộng đồng...

Với ngành y tế, trong hơn 2 năm qua là thời gian thật sự khó khăn và đầy thử thách trong lịch sử của ngành. Cùng một lúc, chúng ta phải thực hiện đồng thời nhiều nhiệm vụ: thần tốc chống dịch, hạn chế số lượng ca mắc, điều trị giành giật sự sống cho các bệnh nhân, giảm thiểu số ca tử vong; đẩy nhanh tốc độ tiêm chủng bảo đảm hiệu quả, an toàn để sớm bao phủ vắc xin cho người dân. Bên cạnh đó, phải tiếp tục củng cố vững chắc thành trì an toàn tại các địa phương không có dịch và duy trì công tác chăm sóc sức khỏe khám và điều trị bệnh cho người dân.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Thủ tướng Chính phủ và của Bộ Y tế, các thầy thuốc, các y bác sĩ, các nhân viên, cán bộ y tế của chúng ta với tinh thần tình nguyện xung phong, sẵn sàng lên đường ngay để hỗ trợ cho các địa phương chống dịch. Tinh thần ấy được thể hiện với những câu chuyện có thật chứa đựng sự hy sinh lớn lao; có những gia đình hai vợ chồng xung phong vào tâm dịch; có các nữ thầy thuốc thu xếp việc gia đình để tới những miền đất xa chăm sóc bệnh nhân; có những bác sĩ

nghỉ hưu lặn lội hàng ngàn cây số vào Nam... Cả lý trí và tình cảm của họ đều thôi thúc rằng người thầy thuốc phải luôn có mặt tại điểm nóng dịch bệnh. Đó không chỉ là nghĩa vụ với nghề, mà còn là trách nhiệm công dân khi Tổ quốc cần, là nghĩa đồng bào, là tình đồng chí cao cả.

Theo tiếng gọi của tình yêu, trách nhiệm và cả cộng đồng, họ sẵn sàng lên đường, gác lại sau lưng những nỗi niềm riêng và cả những giọt nước mắt. Trong trận chiến ấy, đâu chỉ có sự căng thẳng với cường độ làm việc liên tiếp 24/24 vì đón nhận những ca bệnh nặng được chuyển đến mà đó còn là những nỗi đau riêng, những mất mát không gì bù đắp được. Ngày 13/7/2021, 59 y, bác sỹ của tỉnh Thanh Hóa đã tình nguyện ghi tên vào danh sách lên đường đến tâm dịch TP. Hồ Chí Minh. Ngày 30/7/2021, Đoàn y bác sỹ thứ 2 cũng lên đường chi viện cho miền Nam, lần này có 50 y bác sỹ chi viện cho 2 tỉnh thành là TP Hồ Chí Minh và Bình Dương. 15 ngày sau (15/8/2021), 100 y bác sỹ Đoàn thứ 3 lại lên đường tiếp tục chi viện cho miền Nam. Và ngày 30/8/2021, Thanh Hóa đã cử 59 y bác sỹ lên đường vào TP. Hồ Chí Minh, lần này

đoàn sẽ vào thay cho Đoàn 1 đã hoàn thành nhiệm vụ. Trước khi lên đường, tất cả các cán bộ y tế đã được tập huấn, hướng dẫn quy trình chuyên môn, kỹ thuật và các biện pháp phòng, chống lây nhiễm COVID-19, đồng thời đã được tiêm chủng đủ 2 mũi vaccine, lấy mẫu xét nghiệm có kết quả âm tính với SARS-CoV-2. Tinh thần xung phong, tình nguyện ấy không chỉ tô đẹp hơn phẩm chất cao quý “Lương y như từ mẫu” mà còn thể hiện tình cảm quyết tâm cùng chống dịch của tỉnh Thanh Hóa với Thành phố mang tên Bác và các tỉnh phía Nam trong cuộc chiến chống đại dịch COVID-19. Những cố gắng, nỗ lực, đóng góp, hy sinh các thầy thuốc, các y bác sỹ, các nhân viên, cán bộ y tế đã góp phần mang lại kết quả: dịch bệnh được khống chế tại tâm dịch và đang được kiểm soát, thích ứng an toàn, linh hoạt, hiệu quả trên phạm vi toàn quốc.

Không thể kể hết những nỗ lực phi thường mà đội ngũ thầy thuốc đã thực hiện trong 4 đợt bùng phát dịch COVID-19 vừa qua. Các bệnh viện trong thời gian ngắn đã thiết lập các cơ sở điều trị COVID-19 ở tất cả các tuyến, huy động tối đa lực lượng y tế tinh nhuệ và trang

thiết bị để giành giật sự sống cho nhiều bệnh nhân nặng; đồng thời nâng cao năng lực điều trị ở tuyến cơ sở để kịp thời xử trí những trường hợp chuyển nặng, giảm tối đa số ca tử vong. Dù đêm khuya hay sáng sớm, đôi khi phải thức trắng đêm để lấy mẫu gửi về cho đồng nghiệp xét nghiệm, nhằm phục vụ cho việc truy vết nhanh, khoanh vùng khống chế dịch bệnh. Hàng ngày, mặc trên người bộ đồ bảo hộ kín mít và kết thúc công việc khi trời đã gần sáng. Trong đợt lấy mẫu diện rộng cho toàn bộ công dân trên địa toàn tỉnh, đối tượng lấy mẫu nhiều, có những ngày cán bộ lấy mẫu phải đứng xuyên đêm. Tuy công việc vất vả, đối mặt với nhiều rủi ro nhưng họ không nề hà mà luôn sẵn sàng xông pha làm nhiệm vụ lấy mẫu nhanh nhất, chuyển mẫu kịp thời về nơi xét nghiệm để có kết quả sớm nhất cho người dân. Vất vả là thế, nhưng đằng sau những lớp khẩu trang in hằn lên khuôn mặt, những bộ quần áo bảo hộ bịt kín người là những nụ cười, là sự nhiệt huyết, sự tận tâm của những y, bác sỹ với công việc mà họ đã chọn. Xác định việc lấy mẫu không chỉ vì nhiệm vụ mà còn vì yêu nghề, vì cộng đồng và mong muốn được góp sức mình vào cuộc chiến

chống COVID-19 mang lại cuộc sống bình yên cho nhân dân. Những việc làm thầm lặng, tận tâm của những cán bộ làm nhiệm vụ lấy mẫu xét nghiệm đã nhân lên sức mạnh, niềm tin để chúng ta cùng chiến đấu và chiến thắng đại dịch COVID-19.

Đội ngũ cán bộ, y bác sĩ, nhân viên y tế tham gia chống dịch vừa qua đã nỗ lực gấp 2-3 lần, thậm chí có người, có lúc, có nơi đã phải nỗ lực gấp hàng chục lần so với bình thường. Họ không chỉ phải vượt qua những khó khăn vì phải cứu người trong những hoàn cảnh ngặt nghèo và thiếu thốn, mà còn phải chịu nhiều áp lực rất lớn khi số lượng bệnh nhân tăng lên quá nhanh, phải giành giật sự sống cho nhiều bệnh nhân cùng lúc. Bên cạnh đó là những gian khổ khi phải xa gia đình, người thân kéo dài; làm việc dài ngày trong môi trường lây nhiễm và căng thẳng. Nhưng những khó khăn đó đều không cản trở được tinh thần của người thầy thuốc với phương châm “coi sức khỏe và tính mạng của con người là trên hết”. Các thầy thuốc đều xác định “Không được phép buông tay”, vượt lên mọi gian khổ, sẵn sàng đón nhận rủi ro về phía mình, cống hiến hết mình, phát huy sáng tạo, đoàn

kết hiệp lực để chiến thắng dịch bệnh mặc dù có nhiều cán bộ y bác sĩ, nhân viên y tế đã bị nhiễm COVID-19.

Đợt dịch lần thứ tư đang từng bước được kiểm soát. Các y bác sĩ, nhân viên y tế chi viện đã lần lượt trở về nhà với người thân và cuộc sống thường nhật, nhưng trong lúc này, các y bác sĩ vẫn không được phép quên dịch COVID-19 vẫn đang còn diễn biến phức tạp và chúng ta không được phép lơ là, mất cảnh giác. Đây là lúc đội ngũ thầy thuốc cần đúc rút những kinh nghiệm quý báu đã có được từ thực tế chống dịch để tăng cường năng lực, chuyên môn, đồng thời phối hợp với các cấp các ngành thực hiện tốt các hoạt động thích ứng an toàn, linh hoạt, hiệu quả với dịch bệnh, tiếp tục tăng cường hướng dẫn người dân chấp hành các quy định phòng, chống dịch và xây dựng những thói quen có lợi cho sức khỏe.

Tết là dịp trở về sum vầy với gia đình, thăm hỏi, chúc tết người thân. Nhưng những chiến binh áo trắng của ngành Y tế vẫn miệt mài trên mặt trận phòng chống COVID-19. Trước tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần các cán bộ nhân viên trong đơn vị duy trì trực Tết 24/24 giờ,

sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ. Các đội phản ứng nhanh và các đội truy vết miệt mài làm việc trước, trong và sau Tết. Truy vết, điều tra dịch tễ, truyền thông và lấy mẫu xét nghiệm tất cả các trường hợp theo chỉ đạo và hướng dẫn của Ban chỉ đạo phòng chống dịch các cấp.

Đất nước vẫn đang tiếp tục đối mặt với đại dịch COVID-19. Một trong những lực lượng chủ chốt ở tuyến đầu phòng, chống dịch là đội ngũ cán bộ, nhân viên y tế. Luôn nêu cao trách nhiệm, tinh thần xung kích, dù làm việc ở bất cứ vị trí nào đều tỏ rõ bản lĩnh, phẩm chất của cán bộ ngành y.

Mặc dù tình hình dịch bệnh vẫn diễn biến hết sức phức tạp, luôn thường trực nguy cơ bùng phát bất cứ lúc nào, đe dọa thành quả phòng, chống dịch và phát triển kinh tế - xã hội của chúng ta, nhưng tôi tin tưởng rằng toàn thể thầy thuốc, cán bộ, nhân viên y tế trong tỉnh, cùng nhân dân và các lực lượng chức năng sẽ phát huy tinh thần, khí thế và những kinh nghiệm quý báu trong thời gian qua, quyết tâm cao hơn, nỗ lực lớn hơn, hành động quyết liệt, mạnh mẽ, hiệu quả hơn và sự hy sinh có thể phải nhiều hơn nữa để cùng cả nước sớm đẩy lùi dịch bệnh./.

Một số nội dung cơ bản của Quy chế tiếp xúc, gặp gỡ, tham vấn và đối thoại giữa lãnh đạo tỉnh với đội ngũ trí thức trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Ban Biên tập

Triển khai Kế hoạch số 166-KH/TU ngày 16/8/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 52-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư (khóa XII) về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 (khóa X) về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; trên cơ sở xem xét tình hình thực tế và theo đề nghị của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy và Đảng đoàn Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa (Liên hiệp hội), ngày 20/12/2021, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quyết định số 857-QĐ/TU về Quy chế tiếp xúc, gặp gỡ, tham vấn và đối thoại giữa lãnh đạo tỉnh với đội ngũ trí thức

trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (Quy chế).

Quy chế được xây dựng với mục đích: nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, tạo điều kiện để đội ngũ trí thức trao đổi, đóng góp ý kiến đối với các chủ trương, quyết sách trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị của tỉnh; tuyên truyền, phổ biến, đưa chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của tỉnh đến với đội ngũ trí thức để tạo sự đồng thuận, thống nhất trong quá trình tổ chức thực hiện; kịp thời xem xét, trao đổi, giải quyết những vấn đề mới nảy sinh, chưa có sự đồng thuận, nhất trí cao của đội ngũ trí thức trong quá trình thực hiện.

Nguyên tắc xây dựng Quy chế: Phải đảm bảo sự lãnh đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh và tuân thủ các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Việc tiếp xúc giữa lãnh đạo tỉnh với đội ngũ trí thức đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch; được chuẩn bị chu đáo về nội dung, có trọng tâm, trọng điểm trên tinh thần xây dựng. Đồng thời, phát huy cao nhất tinh thần trách nhiệm, trí tuệ của đội ngũ trí thức trong tiếp xúc; nghiêm cấm việc lợi dụng tiếp xúc để làm trái các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Quy chế quy định: Chủ trì tiếp xúc là đại diện Thường trực Tỉnh ủy, Lãnh đạo UBND tỉnh (Lãnh đạo tỉnh).

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy là cơ quan Thường trực tổ chức Hội nghị tiếp xúc. Đối tượng tiếp xúc là đại diện đội ngũ trí thức đang sinh sống, làm việc, lao động và học tập tại tỉnh. Tùy vào chủ đề và nội dung của Hội nghị, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy sẽ tham mưu thành phần mời tham dự Hội nghị.

Đại biểu trí thức muốn phát biểu phải đăng ký trước với thư ký của Hội nghị, phát biểu theo sự điều hành của người chủ trì và đúng nội dung đã đăng ký. Để Hội nghị tiếp xúc đạt hiệu quả cao, các trí thức tham dự cần đưa ra các vấn đề có trọng tâm, trọng điểm theo chủ đề nội dung Hội nghị mà mình quan tâm để trao đổi, đối thoại, tham vấn; tôn trọng sự điều hành và lắng

nghe ý kiến của người chủ trì; tích cực nghiên cứu, đề xuất và tham gia đóng góp ý kiến. Nội dung thông tin phải khách quan, chính xác, rõ ràng, cụ thể và chịu trách nhiệm về các nội dung thông tin, tài liệu mà mình cung cấp tại Hội nghị; có trách nhiệm chấp hành nghiêm túc nội quy, quy định của Hội nghị.

Hội nghị tiếp xúc có thể được tổ chức theo 2 hình thức: trực tiếp và trực tuyến. Việc tiếp xúc thực hiện định kỳ 1 lần/năm vào trung tuần tháng 11 hằng năm; có thể tổ chức đột xuất khi Lãnh đạo tỉnh thấy cần thiết.

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Liên hiệp hội và các cơ quan liên quan tham mưu xây dựng kế hoạch, chương trình,

chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tổ chức Hội nghị tiếp xúc trên địa bàn tỉnh; tham mưu cho Lãnh đạo tỉnh về chủ đề, nội dung và phân công nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị chuẩn bị nội dung...; tham mưu ban hành thông báo ý kiến kết luận của Lãnh đạo tỉnh về những vấn đề tiếp xúc để các cơ quan liên quan thực hiện và để đội ngũ trí thức được biết.

Đảng đoàn Liên hiệp hội lãnh đạo Liên hiệp hội tham mưu, đề xuất đại biểu trí thức tham gia Hội nghị tiếp xúc; chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn các tổ chức, cá nhân chuẩn bị ý kiến tham vấn, đối thoại và tổng hợp báo cáo người chủ trì trước khi Hội nghị tiếp xúc diễn ra./.



Đảng đoàn Liên hiệp hội tổ chức Hội nghị xin ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị về dự thảo Quy chế tiếp xúc, gặp gỡ, tham vấn và đối thoại giữa lãnh đạo tỉnh và đội ngũ trí thức trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

HỘI DÂN TỘC HỌC VÀ NHÂN HỌC TỈNH THANH HÓA ƯƠM MẦM SÁNG TẠO, TÔN VINH TRÍ THỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TIÊU BIỂU

Nguyễn Văn Lộc

Phó Chủ tịch

Hội Dân tộc học và Nhân học tỉnh Thanh Hóa

Ngày 22/9/2021
UBND tỉnh Thanh
Hóa đã ban hành
Quyết định số 22/2021/
QĐ-UBND về Quy chế
xét chọn, tôn vinh trí thức
khoa học và công nghệ
(KH&CN) tiêu biểu tỉnh
Thanh Hóa, với mục đích:
nhằm khẳng định vị trí,
vai trò, ghi nhận công lao
và tôn vinh thành tích của
đội ngũ trí thức KH&CN
trên địa bàn tỉnh có nhiều
đóng góp trong tiến trình
đẩy mạnh công nghiệp hóa,
hiện đại hóa và hội nhập
quốc tế của tỉnh Thanh Hóa;



*Hội thảo về ươm mầm sáng tạo, tôn vinh trí thức khoa học
và công nghệ tiêu biểu tỉnh Thanh Hóa*

thông qua tôn vinh nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế
cổ vũ, động viên, khuyến - xã hội của tỉnh,... Đây là
khích, phát huy tài năng một cố gắng lớn của Liên
đội ngũ trí thức, góp phần hiệp các Hội Khoa học và

Kỹ thuật Thanh Hóa (Liên hiệp hội) trong việc tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Quy chế này, thông qua đó góp phần nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội về vị trí, vai trò của đội ngũ trí thức của Liên hiệp hội và các hội thành viên, trong đó có Hội Dân tộc học và Nhân học tỉnh Thanh Hóa.

Hội Dân tộc học và Nhân học tỉnh Thanh Hóa (Hội) được thành lập theo Quyết định số 1043/QĐ-UBND ngày 13/4/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa (tiền thân là Chi hội Dân tộc học và Nhân học tỉnh Thanh Hóa trực thuộc Hội Dân tộc học và Nhân học Việt Nam, thành lập năm 2008). Qua gần 15 năm xây dựng và trưởng thành, từ 18 hội viên ban đầu, đến nay Hội đã có 221 hội viên. Trong đó, có 9 tiến sĩ, 15 thạc sĩ, 180 đại học, cao đẳng và 17 nghệ nhân (có 2 nghệ nhân ưu tú); có 5 đơn vị cơ sở trực thuộc: Hội Dân tộc học và Nhân học huyện Quan Sơn, Chi hội Dân tộc học và Nhân học các huyện: Mường Lát, Quan Hóa, Bá Thước và Ngọc Lặc. Các cán bộ, hội viên hầu hết đều đã kinh qua

công tác nghiên cứu, giảng dạy, quản lý, hoạt động công tác dân tộc học và nhân học có nhiều kinh nghiệm, đã nghỉ hưu hoặc đang công tác trên địa bàn tỉnh, đây là nguồn lực quý nếu phát huy tốt.

Dân tộc học và nhân học là một ngành khoa học chuyên nghiên cứu về đời sống con người và các tộc người, với các nhiệm vụ chủ yếu là nghiên cứu văn hóa tộc người, ý thức tộc người, lãnh thổ tộc người và nghiên cứu quá trình tộc người.

Thanh Hóa là tỉnh có nhiều thành phần dân tộc, trong đó có 7 dân tộc chủ yếu: Kinh, Mường, Thái, Mông, Thổ, Dao, Khơ Mú; mỗi dân tộc đều có bề dày lịch sử và bản sắc văn hóa riêng, làm đa dạng, phong phú thêm nền văn hóa cộng đồng các dân tộc của tỉnh và cả nước. Do đó, các dân tộc của tỉnh cần được khảo sát, nghiên cứu một cách đầy đủ, khoa học, để tiếp tục gìn giữ, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc, đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đây là yêu cầu lớn của tỉnh, đồng thời là

vùng đất màu mỡ cho các nhà dân tộc học và nhân học khai thác, sáng tạo.

Thực hiện nhiệm vụ của mình, từ năm 2015, Hội đã phối hợp với các nghệ nhân dân tộc Dao xây dựng Bộ chữ Nôm Dao Thanh Hóa, đã được Hội đồng Khoa học tỉnh thẩm định, được Sở Khoa học và Công nghệ, Ban Dân tộc tỉnh trình UBND tỉnh phê duyệt, UBND tỉnh đã có Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 17/3/2015 phê chuẩn Bộ chữ Nôm Dao Thanh Hóa. Đây là Bộ chữ Nôm Dao đầu tiên của cả nước được phê chuẩn. Từ năm 2017 đến nay, Bộ chữ đã được đưa vào dạy và học cho hàng nghìn học viên trong cộng đồng người Dao các huyện miền núi của tỉnh. Ngoài ra còn làm tài liệu dạy và học chữ Nôm Dao cho cộng đồng người Dao các tỉnh: Hòa Bình, Sơn La, Lào Cai, Yên Bái,... mang lại hiệu quả thiết thực, góp phần gìn giữ và bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc Dao theo chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Cán bộ, hội viên đã xuất bản nhiều tác phẩm có giá trị, được giải thưởng cao, như: Ông Trần Văn Thịnh

KHOA HỌC THANH HÓA

xuất bản 8 cuốn sách, trong đó cuốn Võ tướng Thanh Hóa trong lịch sử dân tộc, được giải Nhì sách Việt Nam, chủ biên 3 cuốn sách và tham gia 8 công trình với các tổ chức, cá nhân khác, được tôn vinh là Trí thức KH&CN tiêu biểu Việt Nam và được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2017; ông Hà Văn Thương với cuốn Từ điển Thái - Việt Thanh Hóa, đạt giải Nhì Sáng tạo Khoa học và Công nghệ Thanh Hóa năm 2020; ông Phạm Xuân Cừ với tác phẩm Truyện tình xưa Mường Dừa, Mường Lè, được giải C Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh Thanh Hóa, được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen;... đây là những cá nhân điển hình của Hội, đồng thời là một trong những căn cứ quan trọng để đề nghị xem xét, tôn vinh trí thức KH&CN tiêu biểu tỉnh Thanh Hóa. Tuy nhiên, số tập thể, cá nhân có tác phẩm, công trình đạt giải cao của tỉnh, của Trung ương chưa nhiều, sự sáng tạo của tập thể, cá nhân chưa được phát huy đúng mức so với tiềm năng đội ngũ cán bộ, hội viên và yêu cầu thực tiễn của tỉnh.

Tiêu chí để xét chọn, tôn vinh trí thức KH&CN tiêu biểu của tỉnh rất cao, ngoài có phẩm chất đạo đức tốt, cần đạt một trong các tiêu chí:

- Có thành tích xuất sắc trong công tác tập hợp, đoàn kết, vận động và phát huy sức sáng tạo của đội ngũ trí thức KH&CN, đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh hoặc tương đương trở lên được nghiệm thu đạt loại xuất sắc, được áp dụng trong thực tiễn mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao.

- Là chủ nhiệm công trình đạt giải Nhất Hội thi Sáng tạo kỹ thuật của tỉnh hoặc giải Ba trở lên Hội thi Sáng tạo kỹ thuật toàn quốc. Giải thưởng Sáng tạo khoa học công nghệ Việt Nam.

- Là chủ nhiệm công trình đạt một trong các giải thưởng áp dụng có hiệu quả trên địa bàn tỉnh, gồm: Giải thưởng Nguyễn Đức Cảnh do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam trao tặng; Giải thưởng Lương Đình Của do Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trao tặng; Giải

thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng Nhà nước, Giải thưởng về KH&CN của các tổ chức quốc tế.

Căn cứ vào các tiêu chí trên, để ươm mầm sáng tạo, tôn vinh trí thức KH&CN tiêu biểu của tỉnh, từ thực tiễn hiện nay, Hội và các chi hội cần thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền đến cán bộ, hội viên về Quyết định số 22/2021/QĐ - UBND ngày 22/9/2021 của UBND tỉnh, coi đây là một trong các biện pháp quan trọng để đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hội, chi hội, đồng thời tập trung thực hiện tốt các nội dung sau:

Một là, về phát triển hội viên, quan tâm tuyên truyền, kết nạp hội viên có trình độ chuyên môn cao, có trình độ nghiên cứu khoa học và thực tiễn tốt để làm nòng cốt trong công tác nghiên cứu khoa học, chủ trì các nhiệm vụ KH&CN; sáng tác các tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị, tham gia và được giải thưởng cao của quốc gia, của tỉnh hàng năm,...

Hai là, phát động thường xuyên phong trào nghiên cứu khoa học để phát huy

tài năng, sáng tạo của cán bộ, hội viên, thông qua đó kiến nghị, đề xuất các ý tưởng với Liên hiệp hội để tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án,... có tính khả thi.

Ba là, hàng năm, lựa chọn các chủ đề phù hợp, phối hợp với các ngành, các nhà khoa học trong và ngoài tỉnh, tổ chức các cuộc tập huấn, hội nghị, hội thảo

khoa học,...; tập hợp, phát huy trí tuệ cán bộ, hội viên giải quyết các vấn đề thực tiễn đang đặt ra cấp thiết.

Bốn là, quan tâm xây dựng, bồi dưỡng các điển hình tiên tiến, đủ điều kiện để đề nghị tôn vinh trí thức khoa học và công nghệ tiêu biểu của tỉnh và Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam.

Đẩy mạnh ươm mầm sáng tạo, tôn vinh trí thức

KH&CN tiêu biểu là việc làm vừa mang tính chiến lược, vừa mang tính cấp thiết hiện nay nhằm tập hợp, cổ vũ, động viên, khuyến khích đội ngũ cán bộ, hội viên năng động, sáng tạo, tâm huyết với công việc; phát huy tài năng, trí tuệ của cán bộ, hội viên, thông qua đó đóng góp thiết thực vào thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh./.



10 sự kiện

KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM NỔI BẬT NĂM 2021

Ngày 28/12/2021, Câu lạc bộ Nhà báo khoa học và công nghệ (KH&CN) Việt Nam đã công bố kết quả cuộc bình chọn 10 sự kiện KH&CN nổi bật năm 2021. Đây là hoạt động thường niên, thể hiện sự tôn vinh của giới báo chí đối với hoạt động KH&CN nước nhà. 10 sự kiện đã được lựa chọn

thuộc 6 lĩnh vực: cơ chế chính sách, khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, nghiên cứu ứng dụng, tôn vinh nhà khoa học, hội nhập quốc tế.

Lĩnh vực cơ chế chính sách

1. Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII Đảng Cộng sản Việt Nam xác định “khoa học, công nghệ và đổi

mới sáng tạo” là một trong các đột phá chiến lược

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đưa ra 3 nhóm giải pháp đột phá chiến lược để tiếp tục phát triển đất nước nhanh và bền vững. Ở nhóm thứ 2, Nghị quyết nêu rõ: “Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; ưu tiên phát triển

nguồn nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt trên cơ sở nâng cao, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản về chất lượng giáo dục, đào tạo gắn với cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ nhân tài, đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng và phát triển mạnh khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy giá trị văn hoá, sức mạnh con người Việt Nam, tinh thần đoàn kết, tự hào dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. Đây là lần đầu tiên, Văn kiện Đại hội Đảng xác định “khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo” là một trong các đột phá chiến lược để xây dựng và phát triển đất nước. Qua

đó khẳng định, “khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo” không chỉ là động lực mà còn là trụ cột cho phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam.

Lĩnh vực khoa học xã hội

2. Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ 6

Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ 6 với chủ đề “Việt Nam chủ động hội nhập và phát triển bền vững”, diễn ra trong 2 ngày (28 và 29/10/2021) đã thu hút sự tham dự của 600 nhà nghiên cứu trong nước và quốc tế, trao đổi về 10 lĩnh vực trọng tâm như lịch sử, kinh tế, chính trị, quan hệ quốc tế, văn hóa, xã hội, môi trường... Ban tổ chức Hội thảo đã nhận được 730

tham luận của các học giả, chuyên gia, nhà khoa học trong nước và quốc tế, trong đó chọn được 400 bài tham luận để đưa vào kỷ yếu và 120 báo cáo toàn văn. Hội thảo là cơ hội quý báu để tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu, hợp tác khu vực và quốc tế; cùng nhau chia sẻ những bài học kinh nghiệm để giải quyết những vấn đề chung của đất nước và nhân loại, góp phần thắt chặt quan hệ hợp tác hữu nghị giữa các dân tộc.

Lĩnh vực khoa học tự nhiên

3. Công trình nghiên cứu của các nhà khoa học Việt Nam giành Giải Đặc biệt Giải thưởng Đổi mới sáng tạo châu Á

Công trình “Phát triển và ứng dụng hệ cảm biến sinh học để xác định nhanh BOD và độ đục trong nước” do nhóm nghiên cứu của TS.Phạm Thị Thùy Phương (Viện Công nghệ Hóa học, Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam) thực hiện, đã giành Giải Đặc biệt (Best Innovation Award) của Giải thưởng Đổi mới sáng tạo châu Á (Asia Innovation Award) năm 2021. TS.Phạm Thị Thùy Phương và các cộng sự đã nghiên cứu tạo ra hệ



Nhóm nghiên cứu thực hiện Công trình “Phát triển và ứng dụng hệ cảm biến sinh học để xác định nhanh BOD và độ đục trong nước”



Mô hình thành phố thông minh của Viettel

cảm biến sinh học cho phép xác định giá trị BOD (Biochemical Oxygen Demand) và độc tính trong nước chính xác với hệ số biến thiên thấp, thời gian phân tích nhanh, dễ sử dụng... để xác định nhanh chất lượng nước thải. Với chi phí đầu tư và vận hành thấp, hệ cảm biến sinh học này được kỳ vọng có thể ứng dụng trong các hệ thống quan trắc môi trường tự động và liên tục. Qua đó, đánh giá chất lượng nước trực tiếp tại nguồn, hướng đến mục tiêu cảnh báo sớm nhằm giảm thiểu những sự cố môi trường, góp phần bảo vệ sự sống dưới nước và trên mặt đất.

Lĩnh vực nghiên cứu ứng dụng

4. Mô hình thành phố thông minh của Viettel

được công nhận hiệu quả và sáng tạo nhất thế giới

Ngày 26/10/2021, Ban tổ chức Giải thưởng Truyền thông thế giới (World Communication Awards) 2021 đã công bố, mô hình thành phố thông minh do Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông quân đội (Viettel) phát triển là hiệu quả và sáng tạo nhất thế giới. Viettel là doanh nghiệp Việt Nam duy nhất có trong danh mục đề cử và chiến thắng tại Giải thưởng này, vượt lên các tên tuổi lớn như China Telecom Global, KT Corporation, ZARIOT secured SIMs trong cùng hạng mục. Giải thưởng thành phố thông minh (The Smart Cities Award) là hạng mục nhằm tìm kiếm một giải pháp hoạt động hiệu quả và sáng tạo,

đem lại lợi ích cho người dân và doanh nghiệp hướng tới cải thiện chất lượng cuộc sống cho người dân và tăng hiệu quả điều hành của chính quyền thành phố. Đến nay đã có 30 tỉnh/thành phố ký kết thỏa thuận hợp tác với Viettel trong việc ứng dụng công nghệ xây dựng thành phố thông minh.

5. Công trình kè chống sạt lở bờ biển huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Công trình kè chống sạt lở bờ biển khu du lịch khu vực Làng Chài, xã Phước Thuận, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu vừa được nghiệm thu, bàn giao và đưa vào sử dụng giai đoạn 3 với tổng chiều dài khoảng 1,3 km.

Thực trạng bờ biển huyện Xuyên Mộc từ lâu đã được các cơ quan, chuyên gia ngành thủy lợi, hội đồng khoa học trong và ngoài tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và huyện Xuyên Mộc đánh giá là bị sạt lở cực bộ rất nghiêm trọng. Dọc bờ biển dài 40 km ở Xuyên Mộc hiện đang sử dụng các biện pháp xử lý tình thế cấp bách tạm thời để giảm thiểu sóng xâm lấn sâu vào trong đất liền. Với công nghệ mới, giải pháp kỹ thuật, sản phẩm tiên tiến, biện pháp

thi công kè của Công ty Cổ phần khoa học công nghệ Việt Nam (Busadco) đã trị được sóng, gió, dòng chảy, bảo vệ bờ một cách ổn định, bền vững; bảo đảm khả năng chống ăn mòn trong môi trường biển, đáp ứng được yêu cầu phòng chống thiên tai trong điều kiện ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Công trình đáp ứng được yêu cầu quy hoạch dự án đầu tư xây dựng các công trình kiên cố phía sau kè phải đạt cốt nền xây dựng là $> +2,5\text{ m}$.

6. Áo hạ nhiệt, chống nóng cho nhân viên y tế phòng, chống dịch Covid - 19

Đây là sản phẩm do các nhà khoa học của Viện Ứng dụng Công nghệ (Bộ KH&CN) nghiên cứu và đưa vào sản xuất thử nghiệm. Áo được làm từ vải không dệt, tráng Polyphenyl Ether (có tác dụng chống nước và “biết thở”). Bộ phận quan trọng nhất trên áo là tổ hợp vật liệu chuyên pha gồm hỗn hợp polyme và muối ăn, là những chất không độc hại, đã được chứng nhận hợp chuẩn tại 3 thị trường Mỹ, EU và Nhật Bản, có chức năng hạ nhiệt, được gắn trên thân trước và sau áo. Túi đựng gel được thiết kế đặc biệt,

dạng cấu trúc tổ ong giúp làm giảm sự tiếp xúc trực tiếp giữa cơ thể và vật liệu để tăng thời gian giữ nhiệt, kéo dài khoảng nhiệt độ bão hòa. Khi áo hết mát, có thể vệ sinh và khử khuẩn bề mặt áo bằng cồn, sau đó để trong ngăn đông tủ lạnh khoảng bốn giờ cho lần sử dụng tiếp theo. Áo có tổng trọng lượng là 1,7 kg, có khả năng giữ nhiệt trong vòng 3 giờ. Ngoài

Đức, Trần Nguyễn Khánh An và Nguyễn Hoàng Phúc). Vihelm được thiết kế trên nguyên lý hoạt động của mặt nạ có tên PAPR, lọc không khí với các tiêu chuẩn được toàn cầu công nhận và có độ an toàn gấp 100 lần so với khẩu trang N99. Tuy nhiên, PAPR có nhược điểm không đeo được lâu vì nếu bị ngứa đầu hay mặt thì không sao gãi được. Vì lẽ đó, PAPR ít khi được dùng cho phòng



“Mũ cách ly di động” Vihelm Make in Vietnam

ứng dụng trong lĩnh vực y tế, áo còn phù hợp cho các lĩnh vực lao động khác như cầu đường, xây dựng, xử lý chất thải, khai khoáng...

7. “Mũ cách ly di động” Việt Nam được WIPO vinh danh

“Mũ cách ly di động - Vihelm” là sáng chế của 3 bạn trẻ (Đỗ Trọng Minh

chống dịch bệnh. Để khắc phục nhược điểm này, nhóm sáng chế Vihelm đã gắn thêm một gắng tay đặc biệt ở đáy mũ, giúp người dùng gãi mặt, dụi mắt hay thậm chí ăn uống mà vẫn giữ cách ly đường hô hấp với môi trường bên ngoài. Nhờ đó người dùng có thể đội mũ thoải mái liên tục trong suốt một ca làm việc (khoảng 4

giờ) mà không lo bị ngưng hay nóng, trong khi nguy cơ lây nhiễm giảm tới 99,9% (đánh giá thử nghiệm của nhóm nghiên cứu, phát triển). Sản phẩm “Mũ cách ly di động” đã được đăng ký bản quyền sở hữu trí tuệ tại Việt Nam và bảo hộ quốc tế, được Bộ Y tế Việt Nam công nhận đạt chuẩn nhóm A và được phép lưu hành trên thị trường.

Lĩnh vực tôn vinh nhà khoa học

8. GS.VS. Châu Văn Minh được Pháp và Belarus vinh danh

GS.VS. Châu Văn Minh (Chủ tịch Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam) đã vinh dự nhận Huân chương Bắc đẩu Bội tinh của Cộng hòa Pháp và Huy chương

của Viện Hàn lâm Khoa học quốc gia Belarus vì những thành tích xuất sắc trong khoa học và đóng góp không ngừng trong thúc đẩy hợp tác KH&CN với các nước này. Đây là Huân chương thứ 18 mà Viện Hàn lâm Khoa học quốc gia Belarus trao tặng từ trước tới nay cho các cá nhân, tập thể có thành tích khoa học xuất sắc của Belarus và quốc tế.

Lĩnh vực hợp tác quốc tế

9. Vải thiều Lục Ngạn và thanh long Bình Thuận được Nhật Bản cấp Bằng bảo hộ chỉ dẫn địa lý

Việc đăng ký thành công chỉ dẫn địa lý cho 2 sản phẩm nông sản nêu trên tại Nhật Bản là kết quả thực

hiện bản ghi nhớ hợp tác giữa Cục Sở hữu trí tuệ và Cục Công nghiệp thực phẩm Nhật Bản về cam kết thúc đẩy bảo hộ chỉ dẫn địa lý của 2 nước. Thành công này cho thấy vai trò đặc lực của sở hữu trí tuệ trong việc hỗ trợ các sản phẩm Việt Nam có thêm lợi thế cạnh tranh và xuất khẩu; đồng thời Cục Sở hữu trí tuệ cũng thu nhận được nhiều kinh nghiệm quý báu trong công tác hỗ trợ các đặc sản địa phương của Việt Nam vươn ra thế giới.

10. Ấn tượng Techfest 2021

Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 diễn ra phức tạp, triển lãm trực tuyến Techfest247 đã được ủng hộ nhiệt tình của cộng đồng, thu hút hơn 2,5 triệu lượt người tham dự trực tiếp và trực tuyến; hơn 120 sự kiện đã được tổ chức. Nền tảng Techfest 247 đã có 997 gian hàng, 711 sản phẩm đăng ký giao thương, 11.558 lượt tham quan. Đặc biệt với chuỗi hoạt động kết nối đầu tư đã hỗ trợ gần 350 startup tiếp cận hơn 100 nhà đầu tư và quỹ đầu tư trong nước, quốc tế và tổng số tiền quan tâm đầu tư là hơn 15 triệu USD./.



GS.VS. Châu Văn Minh nhận Huy chương bạc từ Viện Hàn lâm Khoa học Quốc gia Belarus

Tài nguyên nước hệ thống sông Mã - Những vấn đề cần quan tâm

KS. Phạm Xuân Quý

Phó Chủ tịch

Hội Khoa học Thủy lợi Thanh Hóa

Tài nguyên nước vô cùng quý giá, không có nước con người không thể sống được và không có nước không thể làm bất cứ việc gì. Tổng lượng nước mặt của tỉnh khoảng 20 tỷ m³, trong đó nước nội sinh là 9,7 tỷ m³, bình quân nước nội sinh đạt 2.665 m³/người/năm, nhưng lượng nước có thể chủ động được chỉ đạt 1.648 m³/người/năm. Trong tương lai không xa, trước nhu cầu về nước ngày càng tăng để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững, Thanh Hóa sẽ đối mặt với tình trạng khan hiếm nước

trong điều kiện biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Vì thế, các giải pháp can thiệp hữu hiệu và kịp thời để hạn chế tình trạng suy thoái lòng dẫn và tài nguyên nước của hệ thống sông Mã trên địa bàn tỉnh là hết sức cần thiết.

Khái quát về tài nguyên nước tỉnh Thanh Hóa

Toàn tỉnh có khoảng 200 con sông, suối và kênh lớn nhỏ, với tổng chiều dài gần 5.000km, bình quân mật độ lưới sông từ 0,5-0,6km/km², phân bố ở 6 lưu vực sông (LVS) lớn, nhỏ gồm 4 LVS là Hoạt, Mã, Yên, Bạng được kết nối với nhau

thông qua các sông đào nội địa, sau đó đổ trực tiếp ra các cửa biển Lạch Càn, Lạch Sung, Lạch Trường, Lạch Trào (Cửa Hới hay còn gọi là cửa biển Hội Triều), Lạch Ghép và Lạch Bạng; 2 LVS độc lập là sông Yên Hoà (đổ ra Cửa Rồng nay là cảng nước sâu Nghi Sơn), sông Chàng (đổ vào sông Hiếu, tỉnh Nghệ An), trong đó LVS Mã là lớn nhất, là LVS liên tỉnh và xuyên biên giới.

Lưu vực sông Mã có tổng diện tích tự nhiên 28.490 km², trong đó phần diện tích trên địa bàn tỉnh là 8230,9 km² chiếm tỷ lệ 29%. Dòng

chính sông Mã bắt nguồn từ huyện Tuần Giáo (Điện Biên), chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam, chiều dài dòng chính 512 km (trên địa phận tỉnh là 242 km). Sông Mã có 39 phụ lưu lớn, trong đó Sông Chu là phụ lưu lớn nhất và có 2 phân lưu là sông Lạch Trường và sông Lèn. Tổng lượng dòng chảy năm trung bình nhiều năm (TBNM) trên lưu vực khoảng 18,0 tỷ m³ nước, tương ứng với lưu lượng 570 m³/s. Tổng lượng phù sa lơ lửng chuyển về hạ du sông Mã hàng năm đạt 5,07 triệu m³.

Có thể nói tài nguyên nước của LVS Mã có tác động cực kỳ quan trọng đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Nguồn nước của LVS Mã đã và đang là nguồn cung cấp chính cho nhu cầu nước sinh hoạt, nông nghiệp, công nghiệp, xử lý nước thải, giao thông thủy và nuôi trồng thủy sản cho các địa phương trong tỉnh. Tổng nhu cầu cấp đến năm 2030 là 3,736 tỷ m³, trong đó cấp cho nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản là 3,129 tỷ m³ (83,75%), cấp cho công nghiệp 245 triệu m³ (6,56%)

và cấp cho sinh hoạt 362 triệu m³ (9,69%), riêng hệ thống sông Mã chiếm đến 85% tổng lượng cấp (chưa kể đến lượng nước đảm bảo dòng chảy môi trường và đầy mặn khoảng 2,0 tỷ m³). Hiện nay, trong quy hoạch ngành quốc gia đang trình Chính phủ thẩm định và phê duyệt, dự kiến cơ cấu sử dụng nước đến năm 2030, sẽ thay đổi theo xu hướng nông nghiệp 75%, công nghiệp 16%, tiêu dùng 9%. Tổng nhu cầu cấp nước khoảng 5,8 tỷ m³, trong đó lượng nước sử dụng trong mùa khô chiếm tới khoảng 60% $\approx$ 3,48 tỷ m³.

Thực trạng suy thoái lòng dẫn và tài nguyên nước hệ thống sông Mã

Tài nguyên nước và LVS Mã trên địa bàn tỉnh đang đứng trước những thách thức vô cùng to lớn trong điều kiện biến đổi khí hậu, đặc biệt là sự suy thoái cạn kiệt dòng chảy của các sông, dẫn đến thiếu hụt tổng lượng cấp so với trung bình nhiều năm, thực trạng về suy thoái lòng dẫn và tài nguyên nước, đó là:

Thiếu hụt về tài nguyên nước: Tổng lượng nước

mặt của Thanh Hóa khoảng 20 tỷ m³, trong đó nước nội sinh là 9,7 tỷ m³, bình quân nước nội sinh đạt 2.665 m³/người/năm, nhưng lượng nước có thể chủ động được chỉ đạt 1.648 m³/người/năm nhỏ hơn 2000 m³/ng/năm (theo tiêu chuẩn của Hiệp hội Nước quốc tế (IWRA)). Như vậy, tỉnh Thanh Hóa đang ở ngưỡng của khu vực khủng hoảng tài nguyên nước, ước tính hệ thống sông Mã thiếu hụt khoảng 70% so với yêu cầu sử dụng hiện tại và trong tương lai nếu không được cải thiện sẽ thiếu hụt khoảng 74,2%.

Sụt giảm lượng dòng chảy và mực nước về mùa kiệt:

Lượng dòng chảy sông Mã sụt giảm trên 70% so với TBNM cùng thời kỳ tháng (I-VI), chỉ khoảng 50 m³/s tại Cẩm Thủy. Mực nước sông Mã xuống quá thấp: tại Lý Nhân, mực nước chỉ dao động từ cao độ +(1,7-2,2)m, thấp hơn mực nước thiết kế bề hút của trạm bơm Kiều (ở cao độ +3,2m) từ (1,0-1,5)m, tại trạm bơm Vĩnh Hùng, ở cao độ +1,00m thấp hơn mực nước thiết kế là +1,90m; tại trạm bơm Hoàng Khánh, mực nước ở cao độ -1,2m thấp hơn

KHOA HỌC THANH HÓA

1,0m so với mực nước thiết kế (ở cao độ -0,2m). Theo báo cáo từ Bộ Tài nguyên và Môi trường, LVS Mã có mức lấy nước vào mùa khô rất lớn 79-82% và là sông có mức độ căng thẳng thẳng nhất về nước vào mùa khô.

Xâm nhập mặn ngày càng trở nên gay gắt: Trên sông Mã, độ mặn lớn nhất đã đo được tại Hoàng Tân cách cửa sông 8km là 23,2‰, tại Hàm Rồng cách cửa sông 18,7km là 12,6‰, tại Giàng cách cửa sông Mã 25km là 1,50‰. Đặc biệt vùng tưới bằng trạm bơm điện, diện tích có thể bị hạn ảnh hưởng đến năng suất cây trồng từ 4.847 ha - 7.191 ha tập trung ở vùng đuôi kênh, vùng ven biển và nước sinh hoạt của hơn 500.000 người dân của các huyện Hoàng Hóa, Hậu Lộc và Nga Sơn.

Ô nhiễm nguồn nước ngày một gia tăng: Nước thải công nghiệp, làng nghề, nông nghiệp, nước sinh hoạt không qua xử lý vào các sông, đang làm suy giảm chất lượng nước. Một số vị trí trên sông Mã như: Phú Xuân (Quan Hóa); Điện Lư (Bá Thước); Định Công (Yên Định); Hoàng Long (thành phố Thanh

Hóa) & Quảng Châu (thành phố Sầm Sơn)... nguồn nước bị ô nhiễm nặng (các chỉ tiêu như độ đục, TSS, Coliform, NH₄... đều vượt quy chuẩn chất lượng nước

tỉnh khác có 16 nhà máy với $\Sigma N_{lm} = 401,7$ MW), điện lượng năm khoảng 4 tỷ KWh, đã góp phần tăng sản lượng điện phục vụ phát triển kinh tế - xã hội



Hội thảo khoa học “Thực trạng và giải pháp chống suy thoái hệ thống sông Mã, bảo đảm an ninh nguồn nước phục vụ phát triển nhanh và bền vững tỉnh Thanh Hóa”

của QCVN08:2015), không thể sử dụng cho mục đích gì. Ngày nay, suốt bốn mùa dòng chính sông Mã đều vàng đục, không còn xanh trong như những năm 80, 90 của thế kỷ 20.

Sạt lở bờ sông và xói mòn lòng sông: Thượng nguồn LVS Mã có 26 nhà máy thủy điện được xây dựng với tổng công suất lắp máy $\Sigma N_{lm} = 919,8$ MW (Thanh Hóa có 10 nhà máy với $\Sigma N_{lm} = 510,7$ MW chiếm 55,12%; các

cho cả nước nói chung và tỉnh Thanh Hóa nói riêng. Tuy nhiên, do xây dựng quá nhiều đập thủy điện và trạm bơm trên sông, làm cho dòng chảy ngày càng thêm mất ổn định, dòng sông không còn nguyên vẹn do bị cắt khúc, làm phá vỡ hệ sinh thái thủy sinh. Phần lớn bùn cát lắng đọng trong lòng hồ thủy điện nên đã giảm tải lượng phù sa về hạ lưu, làm cho đáy sông về phía hạ lưu có sự hạ thấp đáng kể so với trước khi chưa có

hồ. Dự báo đáy sông Mã từ thị trấn Cẩm Thủy đến Cẩm Ngọc sau 5, 10 và 20 năm vận hành hồ chứa thủy điện thượng nguồn, lần lượt hạ thấp tương ứng là 2,69m; 3,06m; 3,5m. Tuy nhiên, sự thay đổi mực nước với biên độ lớn giữa các mùa, thậm chí trong ngày và việc khai thác cát sông quá mức (kể cả vấn nạn cát tặc), hạ du sông Mã hiện nay đang đối mặt với các tình thế nguy hiểm như: xói mòn lòng sông (có nơi đã lên đến 12m so với dự báo), sạt lở bờ sông, xói lở tại các vùng hợp lưu, hạ thấp mực nước, biến đổi dòng chảy và hình thái vùng cửa sông ven biển... đe dọa sự an toàn các công trình dọc theo tuyến sông như đê điều, kè,

trạm bơm, cống lấy nước, cầu qua sông...

Công tác quản lý tài nguyên nước còn nhiều bất cập: Đó là (i) Chưa có sự phối hợp chặt chẽ trong thực hiện chức trách nhiệm vụ giữa các ngành các cấp và giữa các chủ thể quản lý cấp, thoát nước, xả thải vào nguồn nước nhất là công tác kiểm tra giám sát; (ii) Có sự chồng chéo trong các việc: Cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước, chỉ giới lòng hồ, chỉ giới bảo vệ công trình thủy lợi và đê điều, dẫn đến dễ nhầm lẫn gây lãng phí; (iii) Là sông quốc tế, nhưng trên LVS Mã hiện chưa có cơ chế nào bảo đảm chia sẻ nguồn nước giữa Lào và Việt Nam.

Những vấn đề cần được quan tâm giải quyết

Những vấn đề nêu trên cho thấy thực trạng suy thoái lòng dẫn, như sạt giảm dòng chảy và mực nước về mùa kiệt, sạt lở bờ bãi sông, xói mòn lòng sông và xâm nhập mặn... của hệ thống sông Mã trên địa bàn tỉnh hiện nay là rất nghiêm trọng, nếu không có các biện pháp can thiệp đúng đắn và kịp thời sẽ không thể đảm bảo chức năng nguồn nước phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trong tương lai. Các nguyên nhân khách quan và chủ quan gây ra suy thoái lòng dẫn hệ thống sông Mã, là do tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng, tình trạng mất rừng và suy thoái rừng, việc xây dựng nhiều đập thủy điện trên dòng chính ở thượng nguồn và thực hiện vận hành liên hồ chưa nghiêm túc, việc khai thác cát xây dựng quá mức đặc biệt là nạn cát tặc... Để đảm bảo an ninh nguồn nước, góp phần phát triển nhanh và bền vững của tỉnh Thanh Hóa, những vấn đề sau đây rất cần được các ngành, các cấp sớm quan tâm giải quyết:



Trạm bơm thôn Hậu (xã Phú Lộc, huyện Hậu Lộc) vận hành bơm tưới nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Một là, sớm xây dựng hoàn chỉnh, đồng bộ và hiệu quả các quy định pháp luật về tài nguyên nước và hệ thống sông ngòi, trong đó có một số nội dung rất cấp thiết, đó là: (i) Thành lập và ban hành quy chế hoạt động Ủy ban quản lý toàn diện về tài nguyên nước LVS Mã bởi đây là sông liên tỉnh và xuyên biên giới, để giúp Thanh Hóa có cơ sở vừa chủ động giải quyết nguồn nước nội sinh, vừa tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương và cơ chế hợp tác với các tỉnh thượng nguồn (kể cả CHDCND Lào), trong công tác quản lý đảm bảo an ninh nguồn nước; (ii) Xây dựng các quy định về quản lý sông, suối theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 2, Thông tư Liên tịch số 14/TTLT-BNNPT-NT-BNV ngày 23/5/2015 giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Nội vụ; (iii) Sửa đổi bổ sung một số nội dung còn bất cập trong quy trình vận hành liên hồ chứa LVS Mã số 214/QĐ-TTg ngày 13/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ; (iv) Ban hành quy chuẩn kỹ thuật khai

thác cát sông và lòng hồ thủy điện ngay từ giai đoạn quy hoạch đến quá trình khai thác, đảm bảo không có tác động xấu đến môi trường nước, không làm thay đổi biến dạng dòng chảy và không làm mất an toàn đối với công trình đề điều và phòng chống thiên tai; và (v) Xây dựng và ban hành một số cơ chế chính sách nhằm tăng cường hiệu lực và hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm đảm bảo an ninh nguồn nước.

Hai là, các sở, ngành, đơn vị, UBND cấp huyện, cấp xã thường xuyên tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các tổ chức, cá nhân và cộng đồng trong việc quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông trên địa bàn theo quy định của pháp luật, đồng thời thực hiện nghiêm túc phương án bảo vệ cát, sỏi lòng sông chưa khai thác trên địa bàn tỉnh. Đề nghị UBND tỉnh hạn chế việc quy hoạch và cấp phép khai thác cát, sỏi lòng hồ của các thủy điện bậc thang và lòng dẫn phía hạ lưu về cửa sông ra biển.

Ba là, xây dựng đề án đảm bảo an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, phù hợp với đề án An ninh nguồn nước và An toàn đập, hồ chứa nước quốc gia, để phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường sinh thái, trên cơ sở kết hợp hài hòa các giải pháp công trình và phi công trình. Coi trọng kết cấu hạ tầng về nước và hệ thống sông ngòi giữ vai trò quan trọng đặc biệt, ví như mạch máu trong cơ thể con người, không có nước con người không thể sống được và không có nước không thể làm bất cứ việc gì.

Thực hiện tốt những vấn đề nêu trên, sẽ góp phần thực hiện thắng lợi các khâu đột phá về phát triển hạ tầng, trong đó có hạ tầng về tài nguyên nước, thủy lợi và phòng chống thiên tai theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, Nghị quyết 58-NQ/TW ngày 5/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045./.

PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG VIỆC ĐẢM BẢO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở NƯỚC TA

Hà Sĩ Thắng

Ủy viên Thư ký

Hội Luật gia tỉnh Thanh Hóa

Cũng như nhiều nước trên thế giới, nước ta đang đối mặt với nhiều thách thức, mâu thuẫn nảy sinh giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường (BVMT), tác động mạnh mẽ tới việc thực hiện pháp luật nói chung và pháp luật về BVMT nói riêng, đòi hỏi phải có giải pháp khả thi để đưa đất nước phát triển bền vững (PTBV). Khi tham gia vào các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, các chủ thể phải tìm hiểu pháp luật, có ý thức tuân thủ pháp luật, thi hành pháp luật, làm sao cho các hành vi của mình phải nằm trong khuôn khổ pháp luật, được pháp luật cho phép, và trong trường hợp cần thiết, có thể sử dụng pháp luật để bảo vệ quyền và

lợi ích hợp pháp, chính đáng của mình. Pháp luật là công cụ quan trọng để quản lý môi trường, tạo sự phối hợp giữa phát triển kinh tế - xã hội, BVMT và PTBV. Hiểu biết và thực hiện tốt các quy định của pháp luật về BVMT là yếu tố quan trọng đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội bền vững không chỉ cho hiện tại mà còn cho cả tương lai.

Những thách thức về BVMT và PTBV ở nước ta hiện nay

Môi trường ở Việt Nam đang đối mặt với rất nhiều thách thức như: kiểm soát ô nhiễm, sự cố môi trường, an ninh nguồn nước, rác thải, nước thải... Công tác quản lý môi trường còn nhiều hạn chế, hệ thống pháp luật về

BVMT thiếu đồng bộ, thiếu khả thi, thiếu tính dự báo. Nguồn lực về con người, tài chính và cơ chế tổ chức còn nhiều hạn chế, sự phối hợp liên ngành chưa được chặt chẽ. Nhiều nơi, nhiều lúc việc BVMT còn bị xem nhẹ hơn việc phát triển kinh tế, những nguyên tắc đảm bảo PTBV không được tuân thủ nghiêm ngặt. Biến đổi khí hậu diễn biến ngày càng phức tạp, thể hiện qua các hiện tượng thiên tai bất thường, thời tiết cực đoan, hạn hán khắc nghiệt... càng tác động tiêu cực tới môi trường và PTBV ở nước ta.

Trong lĩnh vực sản xuất tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, do mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận, nhiều doanh nghiệp vi phạm pháp luật

về BVMT, làm suy thoái, ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên. Nhiều khu công nghiệp đã đi vào hoạt động nhưng chưa được cấp phép xác nhận hoàn thành công trình BVMT. Trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, làng nghề, hiện tượng xả trực tiếp chất thải ra môi trường, sản sinh khí nhà kính nhiều do sử dụng phổ biến than, củi; việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật tràn lan, xử lý chuồng trại, chất thải trong chăn nuôi chưa được đảm bảo qui trình, gây ra ô nhiễm môi trường. Trong lĩnh vực khai thác khoáng sản, lâm sản, nước ngầm, bảo vệ đa dạng sinh học, hiện tượng sử dụng hóa chất (thuỷ ngân, kim loại nặng) gây ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt, tưới tiêu; việc khai thác cát, sỏi bờ bãi làm cho nhiều dòng sông bị xói lở, thay đổi dòng chảy; nạn khai thác rừng, lâm sản, săn bắt động vật hoang dã bờ bãi tại các khu rừng nguyên sinh, khu bảo tồn thiên nhiên, rừng phòng hộ làm ảnh hưởng đến hệ sinh thái, gây phong hóa, rửa trôi, biến rừng thành đất trống, đồi núi trọc, gây sạt lở, lũ ống, lũ quét tác động tiêu cực nghiêm trọng đến đời sống của đồng bào miền núi. Trong lĩnh vực quản lý và xử lý chất thải rắn, Luật

Bảo vệ môi trường quy định rất rõ trách nhiệm của chủ phát thải chất thải rắn phải thực hiện việc phân loại tại nguồn. Nhưng trong thực tế, phần lớn chất thải rắn chưa được phân loại tại nguồn; các biện pháp giảm thiểu phát sinh chưa được áp dụng và thực hiện mạnh mẽ; tình trạng vứt bỏ rác thải, không tập kết đúng chỗ, đổ bừa bãi gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng đến cảnh quan diễn ra phổ biến ở nhiều nơi. Đặc biệt, túi nilon và rác thải nhựa đã trở thành vấn đề đáng lo ngại trong xử lý rác thải. Lượng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nhựa ở nước ta tăng lên nhanh chóng. Lượng rác nhựa thải ra biển nhiều thứ 4 thế giới.

Vai trò của pháp luật trong BVMT và PTBV ở nước ta

Pháp luật là hệ thống những quy tắc xử sự chung do nhà nước ban hành hoặc thừa nhận và đảm bảo thực hiện, điều chỉnh quan hệ xã hội theo mục đích, định hướng của nhà nước, là khuôn mẫu, chuẩn mực để hướng dẫn cách cư xử cho mọi người trong xã hội, giúp cho mọi chủ thể trong xã hội đều có thể tìm được cách cư xử phù hợp với ý chí, mong muốn của nhà

nước, đồng thời giúp nhà nước thiết lập, quản lý và giữ gìn trật tự xã hội. Pháp luật là công cụ để đảm bảo cho nhà nước thực thi quyền lực của mình một cách có hiệu quả trên mọi mặt của đời sống xã hội. Chính vì vậy, khi thực hiện quản lý bất kỳ một lĩnh vực nào, nhà nước đều sử dụng pháp luật như một công cụ cần thiết, hữu dụng và phổ biến nhất. Pháp luật về BVMT không phải là ngoại lệ.

Pháp luật về BVMT là tổng hợp các quy phạm pháp luật do nhà nước ban hành hoặc thừa nhận, điều chỉnh các quan hệ xã hội liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhà nước về BVMT. Nhà nước Việt Nam là nhà nước pháp quyền XHCN, nhà nước luôn đề cao vai trò của pháp luật trong mọi mặt của đời sống xã hội, trong đó có BVMT, vì môi trường có tầm quan trọng đặc biệt đối với đời sống của con người, sinh vật và sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước, dân tộc và nhân loại. Một trong những văn bản pháp luật quan trọng, là cơ sở pháp lý cho việc tổ chức thực hiện công tác BVMT, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, lợi ích cộng đồng và xã hội về môi trường đảm bảo cho PTBV là Luật Bảo vệ môi

trường. Thông qua Luật Bảo vệ môi trường, Nhà nước yêu cầu mọi tổ chức, cá nhân hoạt động, sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam thực hiện theo đúng pháp luật về BVMT. Khi cần thiết, Nhà nước có thể sử dụng các biện pháp cưỡng chế, trừng phạt để bảo đảm pháp luật được thi hành nghiêm chỉnh và đầy đủ.

Luật Bảo vệ môi trường quy định nội dung, trách nhiệm quản lý nhà nước về BVMT của các cơ quan từ Trung ương đến địa phương, tạo cơ sở pháp lý cho các hoạt động BVMT và PTBV; quy định quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân trong hoạt động BVMT; quy định các cơ quan nhà nước trong phạm vi chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm tổ chức và chỉ đạo thực hiện kiểm tra, thanh tra, giám sát, kiểm toán, xử lý vi phạm, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về BVMT.

Pháp luật và những thách thức về BVMT và PTBV

Theo thống kê của Bộ Tư pháp, ở Việt Nam hiện nay có khoảng 300 văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh hành vi của các tổ chức, cá

nhân, các hoạt động kinh tế xã hội về BVMT. Công tác BVMT ở nước ta trong thời qua đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, song cũng bộc lộ những hạn chế, bất cập trước yêu cầu của PTBV trong giai đoạn hiện nay, đó là:

Một là, một số quy định của pháp luật về BVMT bộc lộ sự bất cập, chồng chéo, chồng lấn, mâu thuẫn giữa các bộ, ngành liên quan về chức năng, nhiệm vụ BVMT, không còn phù hợp với thực tiễn của yêu cầu PTBV hiện nay. Nhiều văn bản thiếu đồng bộ, thiếu chi tiết, tính ổn định không cao, làm hạn chế hiệu quả công tác BVMT.

Hai là, chưa có sự gắn kết chặt chẽ, hữu cơ giữa các quy định về phát triển kinh tế với các quy định về BVMT; việc lồng ghép yếu tố BVMT với PTBV chưa thực sự được coi trọng và tính đến trong quá trình xây dựng và ban hành luật, còn có hiện tượng coi nhẹ PTBV về mặt môi trường bởi những đòi hỏi bức xúc về phát triển kinh tế; chưa có cơ chế pháp lý hữu hiệu trong kiểm soát các hoạt động có thể tác động vào tự nhiên, môi trường, sinh thái.

Ba là, những quy định pháp lý, chế tài xử phạt đối

với các hành vi gây ô nhiễm môi trường chưa đủ mạnh để trừng trị và răn đe; biện pháp xử lý vi phạm trong các văn bản pháp luật về môi trường còn có những khoảng trống, rất ít trường hợp gây ô nhiễm môi trường bị xử lý hình sự, dẫn đến hiệu quả xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường còn thấp.

Bốn là, sự phối hợp của các cấp chính quyền, các cơ quan liên quan trong thực thi pháp luật về BVMT còn chưa được chặt chẽ; nhận thức và quan tâm đối với công tác BVMT chưa cao, dẫn đến buông lỏng quản lý, thiếu trách nhiệm trong việc kiểm tra, giám sát về BVMT. Công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi về BVMT của cộng đồng còn hạn chế.

Đề xuất một số giải pháp thực thi pháp luật về BVMT trong PTBV

Thứ nhất, tiếp tục bổ sung, hoàn thiện chủ trương, chính sách, pháp luật về BVMT để khắc phục, điều chỉnh những quy định không còn phù hợp với định hướng PTBV hiện nay. Cần xây dựng bộ công cụ giám sát thực hiện chỉ tiêu PTBV phù hợp với đặc điểm của từng vùng, từng địa phương. Những lỗ hổng về chính

sách, bất cập và chồng chéo trong quản lý nhà nước về BVMT và PTBV cần được khắc phục. Các quy định pháp luật về xử phạt vi phạm (trách nhiệm hành vi, trách nhiệm dân sự, trách nhiệm hành chính, trách nhiệm hình sự) pháp luật về BVMT cần sửa đổi theo hướng tăng tính nghiêm minh và răn đe, nâng cao hiệu lực thực thi pháp luật về BVMT và phát triển bền vững.

Thứ hai, cần tạo lập chính sách thúc đẩy các mô hình tăng trưởng kinh tế bền vững, kinh tế tuần hoàn; xây dựng công cụ kinh tế và nguồn lực cho BVMT; thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước liên quan đến vấn đề BVMT và PTBV, đặc biệt là những điểm mới của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, để từ đó người dân và tổ chức chấp hành, tuân thủ và thực thi pháp luật về BVMT và PTBV một cách tự giác, chủ động, nghiêm chỉnh và đầy đủ.

Thứ ba, tăng cường hiệu lực, hiệu quả trong thực thi pháp luật; quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài nguyên, BVMT và ứng phó với biến đổi khí hậu. Phát huy đồng bộ, thống nhất

sức mạnh của các biện pháp được quy định trong pháp luật hành chính, hình sự, dân sự, kinh tế đủ sức răn đe trong việc xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường, đáp ứng kịp yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế, đặc biệt là các biện pháp để đảm bảo sự hài hòa giữa phát triển kinh tế và yêu cầu BVMT, thực hiện tốt pháp luật về môi trường.

Thứ tư, yêu cầu PTBV không phải là sự lựa chọn, mà là con đường bắt buộc, duy nhất của phát triển, cần được quán triệt quan điểm môi trường là cơ sở, nền tảng để PTBV. BVMT vừa là mục tiêu, vừa là nhiệm vụ, cần được đặt ở vị trí trung tâm của các quyết định phát triển; quản lý, giải quyết hài hòa hơn nữa mối quan hệ hữu cơ giữa phát triển kinh tế xã hội với BVMT, tăng trưởng kinh tế phải đồng thời với BVMT, ứng phó biến đổi khí hậu phù hợp với quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Thứ năm, tăng cường công tác tuyên truyền, thay đổi nhận thức về PTBV từ các cơ quan nhà nước, cộng đồng doanh nghiệp và người dân; đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động thực hiện pháp luật về BVMT bằng cách tăng cường sự tham

gia của các tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, đoàn thể và cộng đồng dân cư trong việc tham gia quản lý, tổ chức thực hiện và giám sát công tác BVMT.

Thứ sáu, trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp, khó lường và kéo dài, việc thực hiện các mục tiêu PTBV sẽ khó khăn hơn, do đó cần tiếp tục tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực môi trường và pháp luật về BVMT. Cần tìm cơ chế thích hợp để đẩy mạnh hơn nữa việc nội hóa các cam kết quốc tế về BVMT, ứng phó với biến đổi khí hậu mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia và xác định rõ hiệu lực pháp lý của các cam kết quốc tế đó.

Điểm mạnh nhất của Việt Nam trong thực hiện các mục tiêu PTBV là truyền thống dân tộc, chủ trương, đường lối sáng suốt, đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta. Thiên tai, dịch bệnh COVID-19 đã và đang làm ảnh hưởng sâu sắc đến sự phát triển kinh tế xã hội và BVMT, do đó toàn Đảng, toàn dân và cả hệ thống chính trị càng phải quan tâm và lan tỏa trách nhiệm BVMT để PTBV đất nước cho hôm nay và mai sau, đó là trách nhiệm của tất cả chúng ta./.

TẦM QUAN TRỌNG CỦA VIỆC ỨNG DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TRONG PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP TẠI THANH HÓA

TS. Nguyễn Viết Thái

Giám đốc Trung tâm

Tư vấn đầu tư và Phát triển KHCNMT Thanh Hóa

Thanh Hóa có diện tích rừng là 648.370,72ha; trong đó diện tích rừng trồng 255.010,78ha, rừng phòng hộ 156.583,45ha; toàn tỉnh hiện có trên 56.000ha rừng trồng kinh doanh gỗ lớn. Trong những năm qua, công tác trồng rừng đã được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo, kết quả hàng năm toàn tỉnh trồng mới trên 10.000ha rừng trồng tập trung. Tuy vậy, cơ cấu giống cây trồng lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh hiện nay còn đơn điệu, năng suất rừng trồng đạt còn thấp (bình quân 10m³/ha/năm), phần lớn diện tích rừng trồng mới là cây keo, các giống cây lâm nghiệp bản địa, cây có giá trị kinh tế cao chưa được tập trung nghiên cứu đầu tư trồng mới. Để có tài liệu hướng dẫn người trồng

rừng tổ chức sản xuất cần thiết phải nghiên cứu thử nghiệm, “đất nào cây ấy”. Từ kết quả nghiên cứu điều kiện thổ nhưỡng, tính thích nghi của cây lâm nghiệp để bố trí cây trồng phù hợp là hết sức quan trọng và cần thiết, đó là căn cứ khoa học để lựa chọn, đề xuất tập đoàn cây lâm nghiệp phục vụ trồng rừng sản xuất gỗ lớn, rừng phòng hộ, góp phần hoàn thiện danh lục cây trồng rừng gỗ lớn trên địa bàn tỉnh, nhằm cải thiện năng suất rừng trồng, tăng giá trị kinh tế, nâng cao đời sống người trồng rừng. Đây là việc làm có ý nghĩa vô cùng lớn trong thực tiễn sản xuất của ngành lâm nghiệp.

Hiện trạng giá trị của từng loại rừng (rừng sản xuất, rừng phòng hộ) chưa được phát huy tối đa, đó là do các loài cây đưa vào trồng mới

rừng bà con nông dân chủ yếu còn dựa vào kinh nghiệm và để giải quyết kinh tế trước mắt trong gia đình sau 5 - 6 năm trồng keo làm nguyên liệu giấy mà chưa dựa vào định hướng của địa phương, của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, chưa dựa trên cơ sở khoa học để chọn được loài cây trồng rừng phù hợp nhất, hiệu quả kinh tế cao như trồng rừng gỗ lớn, các giống cây bản địa như gỗ giổi, lim, lát, sến, táu, trồng keo gỗ lớn... phục vụ chế biến sâu ra các sản phẩm có giá trị kinh tế cao cho tiêu dùng và xuất khẩu. Từ đó dẫn đến năng suất, hiệu quả kinh tế rừng trồng chưa cao “Một mét khối gỗ tốt có giá trị cao hơn nhiều xe ô tô dăm gỗ”; kinh tế người trồng rừng còn lúng túng khó khăn chưa khá lên được, chưa bền vững. Việc

lựa chọn được loài cây lâm nghiệp phù hợp cả về khoa học và thực tiễn sẽ quyết định hiệu quả kinh tế, giảm thiểu rủi ro, khắc phục hiệu quả kinh doanh từ trồng rừng thấp. Khi mở rộng diện tích trồng rừng hoặc đưa một loài cây lâm nghiệp bản địa có giá trị kinh tế cao, cây lâm nghiệp mới vào một vùng nào đó, việc ra các quyết định sử dụng đất lâm nghiệp, giống cây trồng kịp thời, chính xác đến nay vẫn còn là một thách thức.

Để khắc phục được những tồn tại đó, trước hết cần phải đánh giá hiện trạng sử dụng tài nguyên và tiềm năng đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh. Từ kết quả đánh giá hiện trạng sự thích nghi của cây trồng và tiềm năng đất đai, xây dựng được bộ cơ sở dữ liệu đánh giá mức độ thích nghi của một số cây lâm nghiệp trên địa bàn. Trên cơ sở đó, kết hợp với những đặc điểm sinh học, sinh thái học và các yếu tố ảnh hưởng (định hướng, quy hoạch, kinh tế, xã hội,...) để xây dựng tiêu chí và lựa chọn loài cây lâm nghiệp phù hợp, khả thi về mặt kinh tế - xã hội - môi trường.

Tuy nhiên, việc nghiên cứu, sử dụng bản đồ phân hạng tiềm năng đất đai, bản đồ thích hợp của cây lâm

nghiệp đòi hỏi cán bộ lâm nghiệp phải có kiến thức, kỹ năng chuyên môn về lĩnh vực bản đồ, GIS và cần có thời gian xử lý, biên tập thì mới có được kết quả khả thi. Vì thế, một bộ tiêu chí đánh giá và quy trình thực hiện giúp đánh giá mức độ thích nghi và lựa chọn các loài cây lâm nghiệp phù hợp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa là hết sức hữu dụng. Bộ tiêu chí này cần được nghiên cứu để giúp các nhà quản lý, cán bộ ngành lâm nghiệp không nhất thiết phải có kỹ năng về bản đồ, GIS vẫn có thể đưa ra được kết quả đánh giá nhanh chóng, chính xác về tiềm năng đất đai, cấp lập địa và chọn được loài cây trồng rừng phù hợp cho từng mục đích, từng loại rừng, từng khu vực.

Thực tế những năm qua, trên địa bàn tỉnh, người trồng rừng đã trồng một số giống cây lâm nghiệp, nhưng do chưa đánh giá được mức độ phù hợp với đất đai và khí hậu nên vẫn còn tình trạng cây bị chết sau khi trồng, gây tổn kém kinh phí của người trồng rừng và thất thoát vốn đầu tư.

Xuất phát từ những lý do nêu trên, việc triển khai thực hiện nghiên cứu, đánh giá thích nghi và lựa chọn

tập đoàn cây lâm nghiệp phù hợp phục vụ trồng rừng sản xuất gỗ lớn, rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa là hết sức cần thiết. Cần đánh giá được mức độ thích nghi đất đai của một số loài cây lâm nghiệp gỗ lớn, cây bản địa có giá trị kinh tế cao tại khu vực rừng sản xuất, rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh, đánh giá tiềm năng đất đai phục vụ phát triển cây lâm nghiệp; xây dựng được bộ cơ sở dữ liệu phục vụ đánh giá mức độ thích nghi của cây lâm nghiệp; xây dựng bộ công cụ đánh giá tính thích nghi và lựa chọn các loài cây lâm nghiệp phù hợp cho từng loại đất; từ đó đề xuất các giải pháp quản lý, quy hoạch phát triển cây lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh cần phải có sự vào cuộc của các nhà khoa học và ngành Khoa học tỉnh Thanh Hóa.

Như vậy có thể khẳng định đầu tư khoa học công nghệ vào công tác phát triển lâm nghiệp tỉnh nhà là một nhiệm vụ cấp thiết, cần có sự quan tâm chỉ đạo thực hiện sớm của các cấp quản lý để đưa ngành Lâm nghiệp Thanh Hóa phát huy hết tiềm năng và thế mạnh hiện có của tỉnh./.

ẢNH HƯỞNG CỦA LIỀU LƯỢNG MEN LACTO SỐNG ĐẾN KHẢ NĂNG SINH TRƯỞNG CỦA GÀ RI CẢI TIẾN

TS. Mai Danh Luân

Hội Công nghệ sinh học Thanh Hóa

Chăn nuôi gia cầm nói chung, chăn nuôi gà nói riêng, ngoài giống ra thì việc nuôi dưỡng và chăm sóc là rất quan trọng, nếu gia cầm được nuôi dưỡng và chăm sóc tốt sẽ giúp cho chúng sinh trưởng và phát triển tốt, làm hạn chế bệnh tật và nâng cao hiệu quả kinh tế cho người chăn nuôi.

Gà Ri cải tiến là một giống gà nội thuần được chọn tạo và nuôi giữ tại Trung tâm nghiên cứu và huấn luyện chăn nuôi, thuộc Viện chăn nuôi Quốc gia, theo Vũ Chí Cương và CS, (2012) thì gà Ri cải tiến có ngoại hình chắc khỏe, thịt thơm ngon, khối lượng cơ thể lúc kết thúc 12 tuần tuổi đạt 1,7kg/con, tiêu tốn thức ăn cho một kg tăng khối lượng cơ thể là 2,8kg, gà Ri cải tiến đã được phép chuyển giao vào sản xuất trong cả nước.

Chế phẩm men Lacto sống do công ty cổ phần công nghệ sinh học thú y sản xuất, tên thương mại là “BTV - Men Lacvet” được khuyến cáo bổ sung với liều từ 1-2g/lít nước uống cho gà sẽ có tác dụng làm tăng khả năng sản xuất, nâng cao khả năng kháng bệnh, giúp người chăn nuôi giảm chi phí sản xuất, thay cho các chất kích thích và kháng sinh để tạo ra sản phẩm sạch, bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng.

Để xác định sự ảnh hưởng của liều lượng chế phẩm sinh học men Lacto sống đến khả năng sinh trưởng của gà chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu đánh giá “Ảnh hưởng của liều lượng men Lacto sống đến khả năng sinh trưởng của gà Ri cải tiến nuôi tại trung tâm nghiên cứu ứng dụng Khoa học - Kỹ thuật chăn nuôi tỉnh Thanh Hoá”.

Nghiên cứu thực hiện trên 270 cá thể gà Ri cải tiến (135 trống và 135 mái) từ mới nở đến 12 tuần tuổi nuôi theo phương thức tập trung.

Nội dung nghiên cứu nhằm đánh giá ảnh hưởng của liều lượng men Lacto sống đến tỷ lệ nuôi sống, khả năng tăng khối lượng cơ thể của gà Ri cải tiến; ảnh hưởng của liều lượng men Lacto sống tới mức tiêu tốn thức ăn cho một kg tăng khối lượng cơ thể của gà Ri cải tiến.

Thí nghiệm được thực hiện từ năm 2019 đến 2020 tại Trung tâm nghiên cứu ứng dụng Khoa học - Kỹ thuật chăn nuôi tỉnh Thanh Hóa.

Thí nghiệm (TN) gồm 270 con gà Ri cải tiến, chia làm 3 lô:
+ Lô đối chứng (ĐC): 90 con (gồm 45 con trống và 45 con mái) nuôi bằng thức ăn

hỗn hợp hoàn chỉnh không bổ sung men Lacto sống.

+ Lô TN1: 90 con (gồm 45 con trống và 45 con mái) nuôi bằng thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh có bổ sung men Lacto sống vào nước uống với liều 1g/lít nước.

+ Lô TN2: 90 con (gồm 45 con trống và 45 con mái) nuôi bằng thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh có bổ sung men Lacto sống vào nước uống với liều 2g/lít nước.

Số liệu thí nghiệm thu thập được xử lý bằng phương pháp thống kê sinh học và phần mềm Microsoft Excel.

Kết quả của nghiên cứu:

Tỷ lệ nuôi sống của gà:
Tỷ lệ nuôi sống của gà Ri cải tiến ở lô đối chứng và các lô thí nghiệm đều khá cao, đạt từ 90,00 - 93,33%. Gà Ri cải tiến nuôi thí nghiệm bổ sung men Lacto sống 2 g/lít nước uống có tỷ lệ nuôi sống cao hơn gà nuôi bổ sung men Lacto sống 1g/lít nước uống là 93,33% so với 90,00%, lô ĐC không bổ sung men này có tỷ lệ nuôi sống là 91,11%. Tuy nhiên, qua so sánh thống kê thì các giá trị sai khác nhau này không có ý nghĩa thống kê.

Khả năng sinh trưởng của gà Ri cải tiến qua các tuần tuổi:

+ Sinh trưởng tích lũy: Khối lượng cơ thể gà Ri cải tiến tăng dần qua các tuần tuổi. Gà của lô TN1 (bổ sung 1 g men

Lacto sống/lít nước uống), lô TN2 (bổ sung 2 g men Lacto sống/lít nước uống) và lô ĐC (không bổ sung men Lacto sống) đều được nuôi cùng một loại thức ăn nhưng khối lượng của gà đã dần có sự chênh lệch theo tuần tuổi.

+ Sinh trưởng tuyệt đối và tương đối: Gà Ri cải tiến nuôi bằng thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh của hãng Nam Việt số hiệu N501 và N502 có bổ sung men Lacto sống (lô TN1 và TN2) hay không bổ sung men Lacto sống (lô ĐC) đều phát triển bình thường và tuân theo quy luật sinh trưởng chung của gia cầm là sinh trưởng tuyệt đối tăng dần đến đỉnh điểm rồi giảm dần, còn sinh trưởng tương đối lại giảm dần theo tuần tuổi của gà. Như vậy bổ sung chế phẩm sinh học men Lacto sống vào nước uống đã không làm ảnh hưởng đến quy luật phát triển chung của gà Ri cải tiến.

Thu nhận và chuyển hóa thức ăn ở gà Ri cải tiến: Khả năng thu nhận thức ăn của gà cả lô ĐC và 2 lô TN đều tăng dần theo tuần tuổi. Chỉ số chuyển hóa thức ăn của gà nói lên mức tiêu tốn thức ăn cho một kg tăng khối lượng cơ thể của chúng, mức này ở lô ĐC và cả 2 lô TN cũng đều tăng theo tuần tuổi và có sự sai khác rõ rệt giữa lô ĐC và lô TN2. Như vậy, sử dụng chế

phẩm men Lacto sống với mức 2g/lít nước uống cho gà Ri cải tiến đã làm giảm mức tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng cơ thể của gà.

KẾT LUẬN:

Bổ sung men Lacto sống từ 1-2g/lít nước uống cho gà Ri cải tiến đã làm tăng khả năng sinh trưởng và làm giảm mức tiêu tốn thức ăn cho một kg tăng khối lượng cơ thể của chúng, với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

Bổ sung chế phẩm men Lacto sống mức 2g/lít nước uống cho gà Ri cải tiến từ mới nở đến 84 ngày tuổi đã làm tăng tỷ lệ nuôi sống so với gà không bổ sung men này từ 91,11% lên 93,33%.

Kết thúc 12 tuần tuổi gà được bổ sung men Lacto sống với liều 1g/lít nước uống có khối lượng cơ thể là 1885,29g/con, bổ sung men Lacto sống với liều 2g/lít nước uống có khối lượng cơ thể là 1927,14g/con, cao hơn so với gà nuôi không được bổ sung men này (chỉ đạt 1838,29g/con).

Bổ sung chế phẩm men Lacto sống 2g/lít nước uống cho gà Ri cải tiến đã làm giảm mức tiêu tốn thức ăn cho một kg tăng khối lượng cơ thể trong cả quá trình nuôi đến 12 tuần tuổi so với gà không được bổ sung men này là 0,35kg (3,02kg so với 2,67kg).

CÔNG VIÊN THẮNG TÍCH XỨ THANH VỚI NỘI DUNG GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018*

Nhóm tác giả: ThS. Trần Thị Phương Lan, ThS. Hoàng Xuân Khánh,
Trần Thị Hiền, Đỗ Tuấn Hưng, Nguyễn Hoàng Gia Bảo
Trường THCS Trần Mai Ninh

Trường THCS Trần Mai Ninh có tổng diện tích rộng 17.185 m², nhóm tác giả sử dụng 1.200 m² để thiết kế một không gian đẹp mang tên “Công viên thắng tích xứ Thanh” nhằm góp phần dạy học phần Giáo dục địa phương trong chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với bậc học THCS (đây là nội dung giáo dục bắt buộc, tương đương như một môn học, mỗi tỉnh tự biên soạn một tài liệu riêng).

Khung học phần Giáo dục địa phương do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định gồm 3 nhóm vấn đề: văn hóa, lịch sử, truyền thống; địa lý, kinh tế, hướng nghiệp; chính trị - xã hội, môi trường của địa phương. Trong công viên, nhóm tác giả làm các mô

hình thu nhỏ, mô phỏng, tượng trưng cho 15 thắng tích, văn hóa, chính trị, kinh tế xứ Thanh dùng để dạy học trải nghiệm sáng tạo, đó là:

- Ba Đình, địa danh lịch sử. Tên cuộc khởi nghĩa thuộc huyện Nga Sơn được đặt tên cho quảng trường nơi Bác Hồ đọc tuyên ngôn độc lập.
- Sầm Sơn, bãi biển đẹp, thành phố nhỏ nhất cả nước.
- Nghi Sơn, đặc khu kinh tế.
- Gia Miêu (Hà Trung), quý hương Nhà Nguyễn.
- Làng Đông Sơn (thành phố Thanh Hóa), khởi danh nền Văn hóa nổi tiếng thế giới.
- Cầu Hàm Rồng, niềm tự hào tỉnh Thanh.
- Làng Nhồi, nghề chạm khắc đá truyền thống.
- Ngàn Nưa (Triệu Sơn), khởi nghĩa Bà Triệu.

- Đền thờ Lê Hoàn, ngôi đền cổ nhất xứ Thanh.

- Động Hồ Công, vẻ đẹp kỳ thú (thuộc Vĩnh Lộc, quê hương các chúa Trịnh).

- Lam Sơn, nhà Lê đầy nghĩa, vương triều lâu dài nhất trong lịch sử.

- Thành Nhà Hồ, di sản văn hóa thế giới.

- Suối cá Cẩm Lương, Nghề dệt Thổ cẩm.

- Hồ Cửa Đạt, công trình trọng điểm quốc gia (thuộc Thường Xuân, huyện lớn nhất tỉnh Thanh).

- Pù Luông, khu bảo tồn thiên nhiên.

Đi kèm mỗi mô hình là bản thuyết minh ngắn gọn về địa danh, sự kiện, nhân vật lịch sử, chính trị, nét văn hóa, kinh tế, làng nghề truyền thống... được trình

* Giải pháp đạt giải Nhì của Hội thi Sáng tạo kỹ thuật Thanh Hóa lần thứ 12 (2020 - 2021) và đạt giải Khuyến khích của Hội thi Sáng tạo kỹ thuật toàn quốc lần thứ 16 (2020 - 2021)

KHOA HỌC THANH HÓA

bày một cách rõ ràng, dễ nhớ, dễ tuyên truyền. Công viên cũng có hệ thống cây xanh tươi mát, đường đi lối lại hài hòa.

Công viên là điểm nhấn của nhà trường, khơi dậy niềm tự hào dân tộc và quê hương. Cũng là nơi đổi mới phương pháp dạy học, lấy học sinh làm trung tâm khi các em, với tính tích cực và công nghệ thời 4.0 sẽ tổ chức các hình thức, sự kiện học tập vui vẻ, bổ ích, đầy hiệu quả. Công viên cũng là điểm hấp dẫn phụ huynh và cộng đồng dân cư tìm hiểu về quê hương Thanh Hóa.

Bên cạnh công viên là cây “Lược sử Việt Nam” và “Phông tóm lược về xứ Thanh xưa và nay” được vẽ bằng các họa tiết bắt mắt, có ghi rõ các triều đại, có biểu thị các thời kì độc lập, hưng thịnh hoặc bị đô hộ bằng các gam màu khác nhau. Trên chiều dài lược sử còn có tên gọi xứ Thanh qua các giai đoạn lịch sử. Các vùng đất và tên gọi quận trị, trấn ly, tỉnh ly của Thanh Hóa, những điều ít người biết đến cũng được đề cập. Để dễ nhìn, đọc được nội dung thông tin sự kiện chính trị, văn hóa, kinh tế, giáo dục đặc trưng từng thời kì lịch sử, cây “Lược sử Việt Nam” được cắt thành nhiều

đoạn để giới thiệu, cụ thể: đoạn đầu lược đồ, huyền sử và chính sử; đoạn giữa lược đồ, giai đoạn nhiều thế lực cầm quyền (Hậu Lê sang Nguyễn); đoạn cuối lược đồ (giai đoạn thời nay).

Ngoài ra, cải tạo hội trường nhỏ thành phòng chiếu phim phục vụ cho nhiều môn học, trong đó có các chủ đề giáo dục địa phương.

Tính mới:

Đây là giải pháp mới và sáng tạo, chưa được áp dụng trước đây vì năm học 2021 - 2022 mới là năm đầu tiên thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 ở lớp 6. Công trình phục vụ cho nội dung cả bậc THCS và THPT.

“Công viên thắng tích xứ Thanh” là mô hình điểm nhân trực quan, đổi mới phương pháp bằng hình thức tổ chức dạy học hiện trường

sinh động, góp phần cụ thể hoá nội dung giáo dục địa phương mà khung chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép các địa phương tự chọn, tự biên soạn gồm 17 chủ đề. Đây là những nội dung không có trong sách giáo khoa, được chọn lọc, biên tập kĩ càng, đảm bảo tính thực tế và tính sáng tạo. “Công viên thắng tích xứ Thanh” bao gồm cả cây “Lược sử Việt Nam”, tư liệu Thanh Hóa xưa và nay và phòng chiếu phim mini có sức chứa từ 100 - 150 người để phục vụ mục tiêu và nội dung giáo dục địa phương, điều này chưa có trường phổ thông nào làm được.

Khả năng áp dụng:

Giải pháp có thể áp dụng được với tất cả các nhà trường THCS, THPT (tùy điều kiện và khả năng để



Bức tường đồ họa “Lược sử Việt Nam”

định liệu quy mô, chất liệu, nội dung phù hợp). Mô hình giải pháp có thể thiết kế cho một trường hoặc liên trường nhiều bậc học hoặc một vùng dân cư.

Ngoài mục đích chính là giáo dục nội dung địa phương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo yêu cầu, công trình còn là điểm nhấn để học sinh, thầy cô, nhân dân thêm yêu trường, yêu lớp, yêu quê hương đất nước.

Hiệu quả kinh tế - kỹ thuật - xã hội:

“Công viên thắng tích xứ Thanh” sử dụng mô hình phiên bản thu nhỏ của một phần các di tích, thắng cảnh; đồng thời có hệ thống thuyết minh dễ nhớ nên học sinh như được trải nghiệm các thắng tích của tỉnh nhà mà không phải đi xa.

Giáo viên có thể tổ chức dạy học ngoài hiện trường và có thể áp dụng cho nhiều môn học, nhiều chủ đề hoặc bản thân học sinh, cộng đồng dân cư được tìm hiểu, lĩnh hội tri thức một cách tự giác, chủ động. Đây là giải pháp góp phần đổi mới phương pháp dạy học, là nơi học sinh có thể tổ chức các hoạt động giao lưu, trải nghiệm để cùng nhau tự tìm hiểu các lĩnh vực văn hóa, kinh tế, chính trị của tỉnh nhà và của đất nước.



Mô hình Cầu Hàm Rồng và Mô hình Bia Vĩnh Lăng ở Lam Kinh trong Công viên thắng tích xứ Thanh

Giải pháp tạo nên một không gian thân thiện, tự hào, gây hứng thú trong việc giáo dục nội dung địa phương cho học sinh; khắc phục được tình trạng thiếu hiểu biết về quê hương, bản quán của mình hoặc nhanh quên các kiến thức xã hội, thờ ơ với hướng nghiệp, chính trị, môi trường... trong việc học và hành của học sinh.

Giải pháp góp phần thiết thực xây dựng “Trường học thân thiện, học sinh tích cực”, phát huy tính năng động, khuyến khích các ý tưởng sáng tạo của cả thầy, trò, phụ huynh và nhân dân nghiên cứu, khám phá, góp ý để nội dung giáo dục được toàn diện và chất lượng hơn, đồng thời vận dụng được chủ trương “Xã hội hóa giáo dục” một cách có hiệu quả./.

CHẾ TẠO ROBOT PHUN SƠN TĨNH ĐIỆN*

Nhóm tác giả: Lê Trạc Đồng, Chu Đình Thụy

Công ty CP Thiết bị Giáo dục Hồng Đức

Trong xu thế hội nhập quốc tế hiện nay, các quốc gia cần phải ưu tiên đầu tư công nghệ, máy móc tiên tiến để tạo ra nhiều sản phẩm chất lượng cao, dịch vụ tốt, có như vậy mới đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường. Ngành sản xuất dịch vụ nội thất trường học, nội thất văn phòng cơ quan, khách sạn, gia đình, cửa nhựa, cửa cuốn cao cấp tại Việt Nam đang đứng trước thách thức rất lớn về yêu cầu khắt khe của thị trường và sự cạnh tranh gay gắt từ các doanh nghiệp sản xuất nước ngoài. Nhằm khắc phục những khó khăn trên, tạo điều kiện cho ngành nội thất Việt Nam tiếp tục phát triển, bên cạnh những chính sách hỗ trợ của nhà nước về giá cả nguyên vật liệu, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất kinh

doanh, ngành nội thất trong nước cũng cần phải tiếp tục đầu tư ứng dụng khoa học kỹ thuật, thiết bị tiên tiến nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

Bộ phận Sơn tĩnh điện của Công ty Cổ phần Thiết bị Giáo dục Hồng Đức mỗi năm sử dụng trên 100 tấn bột sơn, quy trình sơn tĩnh điện qua một dây chuyền kép kín và bao gồm các bộ phận: giá treo thiết bị cần sơn, buồng sơn đầu vào có hệ thống lọc và thu hồi sơn tĩnh điện cyclone, buồng phun sơn đầu ra và giá treo sản phẩm đầu ra. Trong quá trình phun sơn tại 2 buồng phun sơn đều phải bố trí 3 công nhân dùng súng phun sơn để phun bổ sung bột sơn cho các sản phẩm. Như vậy, bộ phận sơn phải bố trí thêm biên chế 3 công nhân, vừa tăng chi phí vừa ảnh hưởng

đến sức khỏe của công nhân, nhưng lượng sơn phun vào mặt sản phẩm vẫn còn bị lỗi khá nhiều.

Lãnh đạo Công ty đã yêu cầu tham khảo các cơ sở sơn tĩnh điện trong nước và một số nước phát triển để nghiên cứu cải tiến hoặc nhập thiết bị tốt để tăng năng suất lao động và đảm bảo sức khỏe cho người lao động. Qua khảo sát, trong ngành sơn tĩnh điện các nước tiên tiến người ta sử dụng công nghệ phun sơn tự động nhưng giá thành máy móc, thiết bị giá cả rất cao, do đó Công ty không có khả năng đầu tư.

Từ điều kiện sản xuất của công ty, nhóm tác giả đã bàn bạc với Ban giám đốc công ty quyết định nghiên cứu giải pháp **“Chế tạo robot phun sơn tĩnh điện”** tại đơn vị.

Các chi tiết chính của robot phun sơn tĩnh điện:

* Giải pháp đạt giải Ba của Hội thi Sáng tạo kỹ thuật Thanh Hóa lần thứ 12 (2020 - 2021)

Súng phun sơn tự động: Là thiết bị đồng bộ đi kèm gồm bình tích sơn, khung xe đẩy, bảng điều khiển các chế độ và lưu nhớ nhiều mã sơn, điều chỉnh lượng sơn để đảm bảo phủ kín bề mặt.

Khung thân chính robot: Được hàn gắn chắc chắn từ hộp 25x25x1.5 sơn phủ chống rỉ để lắp các chi tiết máy, đảm bảo hoạt động bình thường.

Động cơ điện + giảm tốc liền: Được gắn với bộ khung đảm bảo hoạt động tốt, truyền chuyển động lên xuống của tay robot.

Bộ truyền tải tay robot (nhông xích + trục và bi dẫn hướng): Có chi tiết trục bạc, chi tiết gá phân tay, vòng bi thay bánh xe dẫn hướng cho hoạt động lên xuống của tay robot, được chế tạo chính xác để khi tay súng hoạt động lên xuống phun sơn không bị dung lắc.

Công tắc hành trình: Công dụng chính chủ yếu là ngắt chuyển động lên xuống của tay robot (ngắt đổi hành trình).

Bộ điều khiển tốc độ di chuyển tay robot (biến tần): Gắn với khung và kết nối qua rơ le, có nút vặn để tăng chỉnh tốc độ nhanh chậm của động cơ đảm bảo phù hợp với từng loại sản phẩm

sơn để phun kín được các góc cạnh của sản phẩm.

Bộ nguồn điều khiển: Dòng điện chạy trong thiết bị được cảm ứng qua các vòng dây và chuyển thành những tín hiệu điện. Rơ le dùng để phát hiện dòng điện vượt ngưỡng cài đặt và thực hiện lệnh tác động ngắt tiếp điểm. Dòng điện bảo vệ trong rơ le được đo hoàn toàn bằng vi mạch điện tử. Không thông qua bất cứ cơ cấu cơ khí nào nên thời gian tác động có thể ngay lập tức, đáp ứng nhanh chóng các yêu cầu của người sử dụng. Rơ le điện tử điều chỉnh được dòng tác động chính xác dựa trên các trạng thái của đèn báo. Thời gian tác động và thời gian khởi động có thể được cài đặt theo yêu cầu riêng của từng động cơ.

Tính mới:

Robot phun sơn tĩnh điện đã khắc phục được những vấn đề đang tồn tại của quy trình sơn tĩnh điện, đó là giảm số lượng công nhân, hạn chế lỗi khi phun sơn trên bề mặt sản phẩm...

Khả năng áp dụng:

Nếu giải pháp “Chế tạo robot phun sơn tĩnh điện” được áp dụng cho trên 20 cơ sở đang hoạt động trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa sẽ đem lại hiệu quả kinh tế rất

lớn và góp phần bảo vệ sức khỏe người lao động và môi trường ngày càng tốt hơn.

Hiệu quả kinh tế - kỹ thuật - xã hội:

Do robot chạy và phun sơn tự động với nhiều đầu súng được gắn lên tay robot nên chỉ cần 1 thợ hỗ trợ đặt hành trình và có thể trám các góc của chi tiết tay robot không phun tới, giảm được 2 công thợ/ngày so với 3 thợ khi chưa có giải pháp. Nhờ áp dụng robot tự động chất lượng và hiệu quả sản xuất có thể đạt được cao hơn do ít phụ thuộc vào lao động, giảm thiểu lượng sơn thất thoát nên tiết kiệm được chi phí sản xuất cho công ty.

Tăng cường mật độ bao phủ sơn đều hơn, do đó chất lượng sản phẩm tốt hơn. Sau khi lắp robot vào khoang cửa, sơn không bị thoát ra ngoài, không gây ô nhiễm cho môi trường làm việc và giảm được chi phí thất thoát sơn còn 0%.

Robot phun sơn tĩnh điện có thể làm việc liên tục 24/24h với hiệu suất cao có thể làm việc liên tục 24/24h với hiệu suất cao, hạn chế lỗi do con người, giảm tai nạn lao động, bảo đảm được sức khỏe cho người lao động./.

SỰ BIẾN ĐỔI CƠ CẤU DÂN SỐ TỈNH THANH HÓA TỪ NĂM 1999 ĐẾN NAY

TS. Nguyễn Thị Dung

Trung tâm nghiên cứu phát triển vùng

Sau hơn 20 năm kể từ Tổng điều tra dân số và nhà ở lần thứ 3, cơ cấu dân số tỉnh Thanh Hóa có nhiều biến đổi sâu sắc dưới tác động của các nhân tố tự nhiên, kinh tế - xã hội, đặc biệt là các yếu tố nhân khẩu học.

Cơ cấu dân số theo giới tính đã dần cân bằng, song xu hướng tăng lên về mất cân bằng giới tính khi sinh.

Cơ cấu dân số theo giới tính của tỉnh Thanh Hóa có nhiều biến động sâu sắc. Nếu như trước đây ở Thanh Hóa, dân số nữ nhiều hơn dân số nam, do hậu quả của chiến tranh và di cư liên tỉnh; thì đến nay tỉ số giới tính đã tiến tới sự cân bằng. Năm 2020, với tỉ số giới tính là

98,8, Thanh Hóa đã trở thành một trong số các tỉnh có sự chuyển biến cơ cấu giới tính nhanh của cả nước.

Bảng 1: Dân số chia theo nam/nữ và tỉ số giới tính của Thanh Hóa, 1999 - 2020

Năm	Dân số (nghìn người)			Tỉ số giới tính (nam/100 nữ)
	Tổng số	Nam	Nữ	
1999	3467,3	1694,2	1773,1	95,5
2009	3404,2	1682,3	1721,9	97,7
2020	3664,9	1821,4	1843,5	98,8

Tỉ lệ giới tính ở Thanh Hóa có sự khác nhau theo các nhóm tuổi: ở nhóm tuổi dưới 30, tỉ lệ dân số nam thường cao hơn tỉ lệ dân số nữ; từ độ tuổi 30 trở đi, tỉ lệ dân số nam bắt đầu giảm dần, mức thấp nhất ở các độ tuổi sau 45; từ nhóm tuổi 70 trở đi, sự phân hóa về tỉ lệ giới tính nam và nữ rất rõ nét, nữ giới

chiếm tỉ lệ gấp 3 - 4 lần nam giới. Nguyên nhân của tình trạng này là do nam giới đã phải hy sinh nhiều trong các cuộc chiến tranh trước đây và sự kéo dài tuổi thọ của cụ bà so với cụ ông.

Mặc dù cơ cấu giới tính đang tiến tới sự cân bằng, nhưng ở Thanh Hóa lại đang diễn ra xu hướng mất cân bằng giới tính khi sinh. Số liệu thống kê cho thấy, tỉ số giới tính khi sinh ở Thanh Hóa tăng vọt, từ 103/100 (năm 1999) lên 115,6/100 (năm 2020). Con số này cao hơn nhiều so với mức trung bình với cả nước (102/100 và 112,1/100). Từ năm 2009, mặc dù đã có nhiều cảnh báo về hệ lụy của sự mất cân bằng giới tính khi

sinh nhưng tình trạng này ở Thanh Hóa vẫn có xu hướng tăng lên, trung bình mỗi năm tăng khoảng 0,77%. Thanh Hóa hiện đã nằm trong топ các tỉnh có mất cân bằng giới tính cao của cả nước. Mất cân bằng giới tính khi sinh dẫn đến tình trạng thừa nam thiếu nữ trong tương lai, phản ánh tình trạng bất bình đẳng giới, không chỉ ảnh hưởng đến cuộc sống của cá nhân, gia đình, mà còn ảnh hưởng tiêu cực tới sự phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh. Cấu trúc dân số trong những thập kỷ tới của tỉnh sẽ mang dấu ấn của việc lựa chọn giới tính hiện tại. Với quy mô dân số nam vượt trội trong một thời gian dài, nam giới trẻ tuổi sẽ bị dư thừa so với nữ giới trong cùng một thế hệ, và họ có thể phải đối mặt với những khó khăn khi tìm kiếm bạn đời, trì hoãn hôn nhân hoặc gia tăng tỉ lệ sống độc thân... Vì vậy, tỉnh cần có những biện pháp

ngăn chặn hiện tượng lựa chọn giới tính dẫn đến mất cân bằng như một số nước Châu Á hiện nay đang phải đối mặt (Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc, Pakistan...).

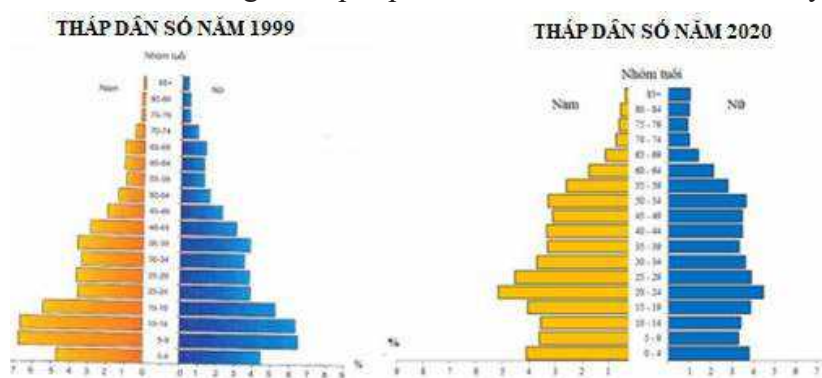
Thanh Hóa đang chuyển từ cơ cấu dân số trẻ sang giai đoạn đầu của cơ cấu dân số già và đang đạt ngưỡng cơ cấu “dân số vàng”

Tỷ trọng dân số dưới 15 tuổi ở Thanh Hóa giảm từ 35,5% xuống còn 24,6% (cả nước tương ứng là 33,4% và 24,3%) trong giai đoạn 1999 - 2020. Ngược lại, tỷ trọng dân số nhóm tuổi 15 - 64 (nhóm tuổi chủ lực của lực lượng lao động) tăng từ 57,7% lên 65,9% (cả nước tương ứng là 58,5% lên 68,0%) và nhóm dân số từ 65 tuổi trở lên tăng từ 6,8% lên 9,5% (cả nước tương ứng là 6,1% lên 7,7%).

Ở Thanh Hóa, số người bước vào độ tuổi lao động ngày càng tăng và đạt đỉnh cao nhất từ trước đến nay,

tăng từ 54,1% năm 1999 lên tới 65,9% năm 2020. Tỉ lệ dân số phụ thuộc của Thanh Hóa giảm nhanh; vào năm 2020, cứ 100 người từ 15 - 65 tuổi chỉ còn đảm nhiệm 51,7 người ở nhóm tuổi trẻ em và người già. Như vậy, cơ cấu dân số Thanh Hóa đã thay đổi từ quy mô trẻ, với mức sinh giảm và tỷ lệ người già tăng sang quy mô dân số già và đang đạt quy mô “Dân số vàng”, thời kỳ này có thể kéo dài 30 - 40 năm. Ở Việt Nam, giai đoạn này cũng đã bắt đầu từ năm 2009 và dự báo có thể kéo dài đến năm 2041. “Cơ cấu dân số vàng” đồng nghĩa với cơ hội “vàng” trong sử dụng nguồn nhân lực trẻ, dồi dào cho giai đoạn tăng trưởng tiếp theo của nền kinh tế, đặc biệt là giai đoạn 2020 - 2030 khi cuộc cách mạng công nghệ 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ. Tỉnh cần thúc đẩy nhanh chiến lược đưa Thanh Hóa trở thành một tỉnh công nghiệp có mức bình quân thu nhập đầu người cao...

Sự thay đổi trong cấu trúc dân số tỉnh Thanh Hóa có thể thấy rõ qua sự thay đổi tháp dân số năm 1999 và 2020. Có thể thấy, sự thu hẹp của 3 thanh ở đáy tháp năm 2020 đối với cả nam và nữ đã chứng tỏ rằng mức sinh của tỉnh liên tục giảm nhanh.



Tháp tuổi dân số Thanh Hóa 1999 và 2020

Phần đỉnh tháp dân số năm 2020 tiếp tục rộng ra so với tháp dân số 1999, phản ánh số lượng người già tăng lên do chất lượng cuộc sống tốt hơn và mức chết của dân số giảm đi. Đặc biệt, dân số cả nam và nữ ở nhóm tuổi trên 80 đã tăng đáng kể so với năm 1999.

Tháp dân số năm 2020 cũng cho thấy, các thanh từ 20 - 24 và 50 - 54 tuổi đối với cả nam và nữ đã “nở ra” khá đều. Điều này chứng tỏ: tỷ trọng phụ nữ bước vào các độ tuổi có khả năng sinh đẻ ngày càng tăng, đặc biệt là nhóm phụ nữ 20 - 24 (nhóm tuổi có tỷ suất sinh đẻ cao nhất); số người bước vào độ tuổi lao động cũng tăng nhanh, đây là một lợi thế nhưng cũng là một sức ép đối với công tác giải quyết việc làm ở tỉnh Thanh Hóa. Nhìn vào tháp dân số chúng ta có thể thấy số phụ nữ trong độ tuổi kết hôn và sinh đẻ sẽ đạt cực đại vào khoảng từ năm 2020 đến 2025. Do vậy nguy cơ tăng mức sinh trở lại vẫn còn rất lớn. Nhóm tuổi trên 65 của Thanh Hóa cũng tăng nhanh, chiếm tới 9,5% tổng dân số vào năm 2020; biểu hiện Thanh Hóa đã bước vào giai đoạn già hóa với tốc độ ngày càng nhanh.

Cơ cấu lao động đã qua đào tạo còn thấp

Cho tới năm 2020, toàn tỉnh Thanh Hóa có 2.190 nghìn lao động từ 15 tuổi trở lên, chiếm 59,8% tổng số dân, trong đó có 4,6% lao động làm việc trong khu vực kinh tế nhà nước, 90,0% lao động làm việc trong khu vực kinh tế ngoài nhà nước và 5,4 % lao động làm việc trong khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

Tuy nhiên, tỷ trọng lao động đã qua đào tạo ở Thanh Hóa còn thấp và thấp hơn mức bình quân của cả nước. Trong tổng số 2.190 nghìn người từ 15 tuổi trở lên thuộc lực lượng lao động toàn tỉnh, chỉ có 27,6% lao động đã qua đào tạo có văn bằng chứng chỉ. Như vậy nguồn nhân lực của tỉnh Thanh Hóa trẻ và dồi dào nhưng trình độ tay nghề và chuyên môn kỹ thuật còn thấp. Lao động có việc làm phân theo nghề nghiệp của Thanh Hóa cũng có sự phân hóa rõ rệt: phần lớn lao động trong các “nghề giản đơn” và “nghề nông - lâm - thủy sản”, tiếp đến là các nghề thợ thủ công, dịch vụ cá nhân, bảo vệ, bán hàng, công nhân kỹ thuật bậc trung; còn công nhân kỹ thuật bậc cao, nhà lãnh đạo... chiếm tỷ lệ rất thấp.

Cơ cấu dân số theo trình độ văn hóa có nhiều chuyển biến tích cực nhưng vẫn còn

mất cân đối trong cơ cấu đào tạo

Tỷ lệ người biết chữ của Thanh Hóa giai đoạn 1999 - 2020 tăng 2,22% (từ 92,78% lên 98,1%) và cao hơn so với mức trung bình cả nước (cả nước năm 2020 là 95,8%). Trong cả 3 kỳ tổng điều tra dân số và nhà ở của tỉnh, tỷ lệ biết chữ của nam giới điều cao hơn nữ giới, nhưng sự cách biệt ngày càng thu hẹp dần; điều đó thể hiện sự bất bình đẳng giới ngày càng được xóa bỏ dần.

Tuy nhiên, cơ cấu dân số theo trình độ văn hóa của Thanh Hóa cũng cho thấy có sự mất cân đối trong cơ cấu đào tạo sau phổ thông hiện nay. Trong số những người từ 15 tuổi trở lên đang theo học tại các trường chuyên nghiệp, có tới 41,4% hiện đang theo học ở các trường đại học. Nếu gộp nhóm người đang học cao đẳng với nhóm người đang học ở trình độ đại học và trên đại học thì số lượng sẽ chiếm hơn 67%. Sự mất cân đối này xảy ra chung với cả 2 giới nam và nữ, và cả ở hai khu vực thành thị và nông thôn, áp lực “vào đại học” luôn là tâm lý đè nặng trong xã hội hiện nay. Một điều đáng quan tâm là số người đi học nghề (sơ cấp, trung cấp) có xu hướng giảm, còn số người

đi học cao đẳng, đại học có xu hướng tăng lên, sự mất cân đối trong cơ cấu đào tạo nghề thực sự là vấn đề và cần có các chính sách điều chỉnh phù hợp để tránh tình trạng “thừa thầy, thiếu thợ”.

Thanh Hóa là địa phương có cơ cấu dân tộc đa dạng

Thanh Hóa là địa phương có sự định cư của con người từ rất sớm. Mặt khác do vị trí địa lý và hoàn cảnh tự nhiên thuận lợi nên trong quá khứ đã có nhiều tộc người từ các vùng khác nhau của nước ta di cư đến để cùng với người bản địa hình thành một cộng đồng các dân tộc. Kết quả Tổng điều tra năm 1999 đã cho thấy, tỉnh Thanh Hóa có tất cả 37 dân tộc anh em (toàn quốc có 54) chung sống trên địa bàn tỉnh (kể cả dân tộc có 1 người), trong đó có 9 dân tộc với số lượng từ 100 người trở lên, bao gồm: Kinh, Mường, Thái, Tày, Hoa, Mông, Thổ, Khơ mú, Nùng... Đến năm 2020, tỉnh Thanh Hóa đã tăng lên 41 dân tộc anh em, trong đó 4 nhóm dân tộc chủ yếu sinh sống trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa chiếm tỉ lệ lớn đó là: Dân tộc Kinh (người Việt), Mường, Thái, H'Mông, ngoài ra các dân tộc khác chỉ chiếm 0,6% tỉ trọng dân số.

Bảng 2: Cơ cấu dân số chia theo các dân tộc tỉnh Thanh Hóa, 1999 - 2020

Năm/ Dân tộc	1999	2020
Kinh	83,6	81,7
Mường	9,5	10,3
Thái	6,1	6,8
Mông	0,4	0,5
Dân tộc khác	0,4	0,7

Do nguồn gốc lịch sử, văn hóa, điều kiện và môi trường sống của mỗi dân tộc khác nhau, nên mỗi dân tộc đều có sắc thái văn hóa riêng, vừa thể hiện được bản chất tộc người, vừa góp phần làm nên sự phong phú, đa dạng của nền văn hóa nền văn hóa Xứ Thanh. Song bên cạnh đó vẫn còn tồn tại sự chênh lệch lớn về trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa các dân tộc.

Thanh Hóa đang ở giai đoạn cuối của thời kỳ quá độ dân số, mức sinh giảm và đã đạt tới “cơ cấu dân số vàng”- đây là cơ hội vàng trong việc sử dụng nguồn nhân lực trẻ, dồi dào cho giai đoạn tăng trưởng tiếp theo. Tuy nhiên, tỷ lệ người cao tuổi tăng nhanh trong điều kiện vấn đề an sinh xã hội chưa đảm bảo sẽ là một thách thức không nhỏ đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Một thách thức lớn khác là sự gia tăng nhanh chóng bất thường của tỷ số giới tính khi sinh, điều

này sẽ ảnh hưởng đến cấu trúc dân số Thanh Hóa trong tương lai và sẽ kéo theo nhiều hậu quả xã hội khác.

Thanh Hóa có nguồn lao động dồi dào, tuy nhiên chất lượng lao động còn thấp, lao động chủ yếu trong lĩnh vực nông - lâm - ngư nghiệp, cơ cấu đào tạo nghề còn nhiều bất cập, tình trạng “thừa thầy, thiếu thợ”, đặc biệt là thợ lành nghề còn phổ biến. Thanh Hóa còn thiếu các chiến lược để phát huy lợi thế của con người Xứ Thanh nên dẫn đến tình trạng “chảy máu chất xám”, người dân đặc biệt là những lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật phải ly hương, đến các địa phương khác để sinh sống.

Để sự chuyển dịch cơ cấu dân số hợp lý hơn, Thanh Hóa cần thực hiện đồng bộ các giải pháp: thực hiện tốt chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình để giảm gia tăng tự nhiên; các giải pháp phát triển kinh tế và nâng cao thu nhập cho người dân, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế; các giải pháp nâng cao chất lượng y tế, giáo dục - đào tạo và nâng cao chất lượng người lao động; các giải pháp nhằm giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với việc thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường...

Cuộc đời, sự nghiệp của chúa Trịnh Căn và việc tôn tạo ngôi mộ Chúa

Hương Nao*

Về cuộc đời

1. Đến 50 tuổi mới làm chúa nắm quyền nhiếp chính.

Chúa Trịnh Căn sinh ngày 13 tháng 6 năm Quý Dậu, niên hiệu Đức Long 5 (1633), khi người ông nội là chúa Trịnh Tráng đang nhiếp chính. Sau khi Trịnh Tráng mất (1657), chúa Trịnh Tạc là thân sinh chúa Trịnh Căn lên nối ngôi. Đến năm 1682 chúa Trịnh Tạc mất thì chúa Trịnh Căn mới lên kế vị. Trong khoảng thời gian 50 năm, chúa Trịnh Căn được giao nhiều chức vụ, Năm 24 tuổi (1656) được phong Phó đô tướng, tước Phú Quận công, thống lĩnh chư tướng vào đánh chúa Nguyễn ở Đàng Trong, rồi giữ chức Trấn thủ Nghệ An. Năm 28 tuổi thăng Khâm sai Tiết chế

thủy bộ, hàm Thái úy, tước Nghi Quốc công. Năm 42 tuổi (1674) được phong là nguyên súy, Định Nam vương. Trong thời gian chưa giữ ngôi, chúa Trịnh Căn đã trực tiếp tham gia các sự kiện lớn của đất nước lúc bấy giờ như đánh chúa Nguyễn ở phía Nam, dẹp nhà Mạc ở phía Bắc lập công lớn và làm nhiệm vụ của một vị chúa, ban lệnh chỉ cho địa phương cấp đất để thờ phụng danh thần Lê Lợi vào năm Vĩnh Trị 5 (1680) và Chính Hòa 2 (1681). Vì vậy khi lên ngôi (1682), chúa đã được vua Lê và quần thần nhất trí, tin tưởng, trọng vọng.

2. Là con thứ 4 của chúa Trịnh Tạc, nhưng tại sao Trịnh Căn lại được kế vị?

Nguyên chúa Trịnh Tạc có 12 con trai. Theo sách “Trịnh

Vương ngọc phả”, bà Thái phi có tên là Vũ Thị Ngọc Hoành sinh ra chúa Trịnh Căn. Còn theo sách “Trịnh gia chính phả” thì chúa do bà Thái phi tên là Vũ Thị Ngọc Lễ sinh ra. Dương Vương Trịnh Tạc sinh người con đầu là Mậu Quận công Trịnh Đức, mất sớm không có con trai. Con thứ 2 là Thái tử Thiện Quận công Trịnh Bách mất sớm. Con thứ 3 là Đô đốc Dương Quận công Trịnh Lương không có con trai và cũng mất sớm. (Trịnh Vương ngọc phả - Sđđ - Tr.28) Vì vậy Trịnh Căn là con thứ 4 được lập làm thế tử năm 24 tuổi (1656) và kế vị sau khi chúa Trịnh Tạc mất (1682).

3. Có tính quyết đoán trong đối xử với bà con thân thuộc và triều thần.

* CN. Trần Quốc Chấn, Nguyên Ủy viên Ban Thường vụ Liên hiệp hội Thanh Hóa

Chúa Trịnh Tráng cử người con út là Ninh Quốc công Trịnh Toàn đem quân vào Nghệ An để đánh nhau với nhà Nguyễn. Trịnh Toàn có tài đức nên được quân lính và nhân dân địa phương quý trọng. Khi Trịnh Tráng mất, tin đồn Trịnh Toàn có ý thoán nghịch, khiến Trịnh Tạc cử Trịnh Căn vào thay. Trịnh Toàn không nghe lời khuyên thoán nghịch, bèn đem binh sĩ, khí giới đến gặp cháu là Trịnh Căn. Trịnh Căn không có ý kiến gì, chỉ khuyên chú về Kinh trình bày. Kết quả là Trịnh Toàn về kinh bị xét xử và giam vào ngục chết.

Kinh nghiệm trước đó về đời chúa Trịnh Tùng, tranh giành ngôi vị trong nội bộ vì tình máu mủ dùng dằng dẫn tới sát hại lẫn nhau và đặc biệt là ảnh hưởng đến cả vận mệnh quốc gia. Bởi vậy, chúa Trịnh Căn đã kịp thời thẳng tay trừng trị những người bà con có ý định tranh chấp ngôi thứ, phá hoại kỷ cương dòng họ. Ví như khi Trịnh Luân, Trịnh Phát, người con thứ, là cháu của chúa có ý đồ thoán nghịch đều bị giết.

Đối với quan lại trong triều, chúa trọng đãi tài năng, cầm cân nảy mực ở giữa để giữ hòa khí nhằm sử dụng được tất cả. Ví như Nguyễn Quán Nho, người Thiệu Hóa và Lê Hy, người Đông Sơn, đều đỗ Tiến

sĩ, có tài năng, nhưng tính tình khác nhau, thường xuyên đố kị nhau. Nhưng chúa vẫn trọng dụng cả hai cho tới khi họ mất hay nghỉ hưu. Hoặc Nguyễn Mậu Tài, người Gia Lâm, Hà Nội, đỗ Tiến sĩ, bị viên Tham chính Thanh Hóa Nguyễn Viết Đương hạch tội lạm quyền. Chúa Trịnh Căn biết rõ Mậu Tài là người có tài, không mắc lỗi nào đáng kể, nhưng để khuyến khích người dám nói thẳng, nên đã thăng chức cho Viết Đương và hạ chức Nguyễn Mậu Tài. Tuy nhiên về sau, chúa vẫn sử dụng cả hai và đã đề bạt Mậu Tài giữ tới chức Thượng thư, Tham tụng và khi trên 70 tuổi chúa vẫn giữ, không cho về hưu. (Đại Việt sử ký tục biên - Sdd - Tr.32)

Chúa Trịnh Căn rất ghét và gay gắt đối với những viên quan nào làm trái ý kiến mình, mặc dầu họ có tài năng, chức vụ quan trọng bao nhiêu. Chẳng hạn Tiến sĩ Thượng thư Vũ Duy Đoán và Tiến sĩ Đô ngự sử Vũ Công Đạo đều người Hải Dương, cương quyết phản đối bản danh sách chúa cử họ vào đoàn sứ thần lên biên giới làm việc với quan nhà Thanh Trung Quốc, vì tên Vũ Thượng thư lại đặt dưới tên một viên thái giám cận thần chức vụ thấp hơn. Chúa Trịnh Căn tức giận đã bãi

chức cả hai người. Riêng Tiến sĩ Vũ Công Đạo ít lâu sau được chúa gọi ra phục hồi chức tước. Cũng do cá tính đó, nên có một số vị đại khoa tài đức như Thám hoa Vũ Thạnh, người Hải Dương, Tiến sĩ Nguyễn Đình Trụ, quê Hà Nội vì phật ý chúa, phải về nhà. Các ông đã mở trường dạy học, đào tạo được nhiều nhân tài và trở thành những thầy giáo nổi tiếng trong lịch sử. Có một điều đặc biệt xin nói thêm là 2 vị đại khoa đó và Tiến sĩ Vũ Duy Đoán đều đã đến Thanh Hóa, quê hương chúa Trịnh Căn và đến nay vẫn còn để lại văn bia trên đất Thanh.

4. Chúa Trịnh Căn đã sáng suốt lựa chọn được người kế vị xứng tầm để đảm đương công việc quốc gia về sau.

Con đầu của chúa Trịnh Căn là Trịnh Vinh mất năm 28 tuổi (1679). Con đầu Trịnh Vinh, cháu chúa Trịnh Căn, là Trịnh Bính mất năm 1702, thọ 35 tuổi. Con đầu Trịnh Bính, cháu chúa Trịnh Căn là Trịnh Cương sinh năm 1686 là một người có tài, đức. Chúa đã thẳng tay trừng trị những kẻ trong gia đình có ý định tranh chấp và quyết chọn Trịnh Cương làm người kế vị. Năm 1709 chúa Trịnh Căn từ trần, Trịnh Cương lên nối nghiệp trong suốt 22

năm và đã đưa đất nước ta ổn định, phồn thịnh, khiến cho nhà Thanh Trung Quốc phải nể trọng, biểu hiện thời chúa Trịnh Cương vua Thanh đã giảm các lễ vật tuế cống cho nước ta và sau đây trao trả cho ta những vùng đất mà trước đó họ đã lấn chiếm.

Về sự nghiệp

1. *Coi trọng chấn chỉnh bộ máy cai trị.*

Chúa Trịnh Căn nắm quyền trong thời kì nhà Mạc đã bị đánh bại, các cuộc chiến với chúa Nguyễn ở miền Nam cũng đã dừng, nên chúa tập trung vào công việc chính trị, kinh tế, luật pháp, văn hóa giáo dục... để xây dựng đất nước. Vấn đề mà chúa Trịnh Căn quan tâm đầu tiên là lựa chọn, đánh giá được tài đức của các quan lại để đảm đương công việc đất nước.

Tháng 8 năm Ất sửu, niên hiệu Chính Hòa thứ 8 (1685), chúa Trịnh Căn cho định rõ phép khảo xét thành tích các quan trong kinh, ngoài trấn và điều lệ, cách thức về thăng, truất, thưởng, phạt. Trước đây, mỗi năm một lần khảo xét rồi lập tức xét thăng, giáng rất gấp gáp. Nay mỗi năm khảo xét một lần, sau 3 lần khảo xét mới tiến hành bãi hay thăng trật. Còn việc thưởng, phạt thì chia làm 3 bậc thượng khảo, trung khảo,

hạ khảo, tùy theo thành tích nhiều ít mà xét. (Đại Việt sử kí tục biên - Sdd - Tr.27,28)

Năm Vĩnh Thịnh thứ 3 (1705) còn quy định thêm 3 bậc khảo xét: “Thượng”, “Trung” và “Hạ”. “Thượng” là bậc tốt nhất, cả 3 lần “Thượng” được thăng chức 2 bậc, nếu có 2 “Thượng” một “Trung” thì thăng một bậc, cả hai loại đều được thưởng thêm 50 quan tiền. Ai xếp 2 hạng “Trung”, một hạng “Hạ” thì bị giáng chức 1 bậc, hai hạng “Hạ” một hạng “Trung” thì bị giáng 2 bậc. Trong 3 năm khảo sát đã xếp hạng đủ rồi thì mới xét việc thăng hay truất bãi. Nhờ vậy dưới thời chúa Trịnh Căn đã có một đội ngũ quan lại thực sự có tài đức, như Tham tụng Lê Hy, Nguyễn Quán Nho, Tổng trấn Lê Đình Kiên, đều là người Thanh Hóa. Ông Lê Đình Kiên đã có công xây dựng phố Hiến Hưng Yên thành một khu buôn bán sầm uất thứ 2 trong cả nước, nên bấy giờ đã có câu ca: “Thứ nhất Kinh kì, thứ nhì Phố Hiến”. Ngoài ra còn có Tham hoa Tham tụng Nguyễn Quý Đức, Bồi tụng Tiến sĩ Đặng Đình Tường, quê Hà Nội... đều là những quan chức có năng lực nổi tiếng trong lịch sử.

2. *Thực hiện một số đổi mới về kinh tế - xã hội.*

Trước kia nhiều quan lại,

hào phú mua ruộng đất lập thành trang trại, thuê người làm thu lợi, khiến nông dân mất đất, phải làm thuê, nhà nước thất thu thuế má. Đến năm Vĩnh Thịnh thứ 4 (1708), chúa Trịnh Căn đã ra lệnh hủy bỏ và cấm lập các trang trại. Chúa ban thành lệ cho các quan Hiến ty các xứ đi tuần trong làng bản dò xét nỗi khổ của dân gian cuối năm viết vào tờ khai trình lên chúa xem, vì vậy đã biết dân vùng Thanh Hóa đói khổ để cấp tiền cứu đói, biết dân kêu oan khi xét xử để cải cách án luật. Sau khi lên nắm quyền được 2 năm, chúa Trịnh Căn đã có lệnh chỉ cho các quan: “Thương yêu nhân dân là công việc đứng đầu trong mọi việc chính trị.”. Vì thế vấn đề đất đai, thuế khóa, án luật... chúa đều đặt lợi ích nhân dân lên đầu. Chúa còn chú trọng mở rộng việc giao lưu buôn bán với nước ngoài. Nhiều thương gia Trung Quốc đã đến Lạng Sơn, Hưng Yên, Thăng Long... buôn bán. Hiện ở Phố Hiến, Hưng Yên và ở Cao Bằng còn thấy 2 tấm bia đá do thương gia Trung Quốc lập để cảm ơn quan chức ta như các Đốc trấn Đình Nho Hoàn, Lê Đình Kiên đã tạo điều kiện thuận lợi cho bọn họ làm ăn ở nước ta. Nhiều thương gia Trung Quốc ở Thăng Long

thời bấy giờ, còn gửi con cái vào học các trường của quan lại ta mở, một số về nước đỗ đạt cao, làm quan to đã hàm ơn thầy giáo Việt Nam. Như câu chuyện hai đại thần họ Phùng người Trung Quốc đón tiếp thầy giáo cũ Tiến sĩ Nguyễn Công Cơ, khi ông làm chánh sứ đoàn sứ bộ Việt Nam sang Trung Quốc thời chúa Trịnh Cương.

3. Chú trọng về việc xử kiện kịp thời, công bằng.

Trước kia chiến tranh, loạn lạc, nên tội phạm hoạt động công khai, người dân kêu ca, nhưng chưa bị xét xử. Khi chúa Trịnh Căn lên nắm quyền liền cho điều tra xử lý. Điển hình là năm Bính Tuất (1694) ở Ninh Bình có xã Đa Gia Thượng (nay thuộc huyện Gia Viễn) làm cướp, dựng nhà trọ đón khách bộ hành Bắc Nam vào nghỉ rồi thủ tiêu cướp tiền bạc, tài sản hàng chục năm liền. Chúa Trịnh Căn biết bèn phái ngay quan vào khám xét, phát hiện các hồ chôn người, bèn bắt 290 tên liên quan, xử trảm 52 tên, triệt hạ làng cướp này. Năm thứ 8 niên hiệu Chính Hòa (1697), chúa Trịnh Căn thấy nhiều vụ án xét xử kéo dài, bèn rút lệ chống án xuống 4 tháng đối với những vụ chết người, xuống 2 tháng đối với những vụ án khác.

4. Nâng cao vị thế nước ta đối với các nước láng giềng xung quanh.

Bấy giờ (1696) nước Ai Lao hỗn loạn, Triều Phục nhờ chúa Trịnh Căn giúp sức mới ổn định được tình hình và ở ngôi vua, nên sai sứ sang cống, chúa gả cho một Quận chúa họ Trịnh để kết hòa hiếu. Đối với Trung Quốc, thời này vua nhà Thanh tỏ thái độ nể trọng như cử quan mang sắc sang phong vương cho vua Lê Hy Tông (1683), làm lễ viếng chúa Trịnh Tạc, hoặc xem xét tờ biểu chúa Trịnh Căn gửi, rồi cho điều tra và trị tội đến mức tử hình Vương Quốc Trinh và Diệp Thắng là 2 viên quan Trung Quốc sách nhiễu, vò ta hối lộ tiền bạc về vấn đề biên giới phía Bắc. Chúa cũng ra lệnh cho người Trung Quốc làm ăn ở nước ta phải mặc quần áo kiểu Việt Nam, nói tiếng Việt, theo phong tục Việt. Còn người Việt không được mặc theo kiểu Tàu, nói tiếng Tàu. Người Trung Quốc không được tự tiện vào Kinh mà phải xin phép viên quan có thẩm quyền.

Khang Vương Trịnh Căn còn tỏ thành kính đối với những bậc tiền bối có công với đất nước, như lệnh cho các quan phải ăn mặc chỉnh tề trong ngày lễ, xuống kiệu, ngựa, xe khi qua cổng các đền, chùa... Chúng tôi còn

suu tầm được 2 lệnh dụ của Định Nam Vương Trịnh Căn khi chưa làm chúa vào năm Vĩnh Trị 5 (1680) (Đúng ra là Chính Hòa I, nhưng nguyên bản lệnh dụ ghi là Vĩnh Trị 5) và năm Chính Hòa 2 (1681) lệnh cho địa phương Thiên Bản xã, Đô Việt doanh trại (nay thuộc huyện Thiệu Hóa, Thanh Hóa), cấp 15 mẫu ruộng để thờ phụng Thái phó Diêm Quận công Lê Lựu, một danh thần trong khởi nghĩa Lam Sơn thế kỉ XV và giao cho con cháu nhiệm vụ thờ tự.

5. Chấn chỉnh văn hóa, giáo dục.

Năm Bính Tuất (1694) chúa Trịnh Căn sai làm sách Tu tri, nói về núi sông, đình chùa, miếu vũ, chợ búa, đường sá, cầu cống... trong nước. Nhà chúa nhận thấy cách làm văn, thơ, bài thi thường chỉ rập khuôn theo sách, nên năm Quý Dậu, niên hiệu Chính Hòa 14 (1693) ra lệnh khôi phục lại thể văn thời Hồng Đức, coi trọng thơ văn chữ Nôm, bài làm thi cử viết theo ý mình chứ không chép theo sách vở. Sai biên tập tiếp bộ sử nước nhà từ niên hiệu Vĩnh Trị thứ 1 (1676) trở về sau. Nhà chúa cũng làm gương đi đầu trong sáng tác thơ văn chữ Nôm, hiện còn để lại tập thơ “Ngự chế Thiên Hòa doanh bách vịnh” gồm 90 bài thơ theo thể Đường luật và Đường

luật xen lục ngôn (câu 7 chữ xen các câu 6 chữ) hầu hết là chữ Nôm, chỉ có 2 bài bằng chữ Hán.

Nhà chúa cho lập lại trường Quốc tử giám, ngoài việc tổ chức đều đặn các khoa thi Hương, thi Hội, thi Đình, chúa Trịnh Căn còn mở thêm khoa thi Sĩ vọng (1684), Hoành từ (1691)... để chọn thêm người giỏi. Trong thi cử, chúa đặt lên hàng đầu việc chăm bài, làm bài phải thật nghiêm túc, trung thực. Một dẫn chứng cụ thể là năm Chính Hòa thứ 17 (1696) tại trường thi Thanh Hóa, Giám khảo là Hội nguyên Tiến sĩ Ngô Sách Tuân (1648 - 1697) đã đem bài thi của con Tể tướng Lê Hy bị điểm liệt ra chấm lại lấy đỗ. Việc bị phát giác, ông Ngô tuy đỗ đại khoa, có nhiều thành tích, nhưng vẫn phải chịu án xử trảm. Đây là bản án giám khảo bị tử hình duy nhất trong lịch sử khoa cử Việt Nam từ trước tới nay, chứng tỏ chúa Trịnh Căn rất bức xúc và hết mực quan tâm đến sự nghiêm túc trong thi cử.

Cũng nhờ nhà chúa coi trọng học hành, thi cử, nên đã chọn được một số người đỗ đại khoa thực sự có tài năng, tư cách để đảm đương việc nước, như Trạng nguyên Nguyễn Đăng Đạo, người Tiên Sơn, Bắc Ninh, Bảng nhãn Phạm Quang Trạch,

người Từ Liêm, Hà Nội, Tiến sĩ Hà Tông Mục, người Can Lộc, Hà Tĩnh, Tiến sĩ Lê Anh Tuấn, người Ba Vì, Hà Nội, Tiến sĩ Nguyễn Công Hăng, người Tiên Sơn, Bắc Ninh... Nhiều vị về sau đã giữ các chức vụ quan trọng dưới thời chúa Trịnh Cương, làm cho đất nước ta trong giai đoạn này thịnh vượng, phát triển và có uy tín, vị thế cao đối với các nước xung quanh.

Việc tôn tạo ngôi mộ của Chúa

Ngày 10 tháng 5, năm Kỷ Sửu, niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ 5 (1708) Khang Vương Trịnh Căn tạ thế, hưởng thọ 77 tuổi. Hơn 300 qua vẫn chưa xác định được chính xác lăng mộ của nhà chúa. Chỉ biết trên cánh đồng xã Định Liên, huyện Yên Định có một ngôi mộ mà hậu duệ họ Trịnh cho là mộ chúa Trịnh Căn. Nay chúng tôi căn cứ vào các tài liệu sử sách để chứng minh ý kiến dân gian trên đúng hay không?

Có nhiều tài liệu hiện còn thấy ghi địa điểm đặt lăng chúa Trịnh Căn, nhưng không thống nhất. Theo sách Đại Việt sử kí tục biên (1676 - 1789) thì chúa được mai táng ở “cánh đồng Diên Thượng, huyện Yên Định, Thanh Hóa” (Sdd - Tr.62). Còn cuốn Trịnh gia chính phả ghi lăng chúa ở

làng Lịch Thượng (huyện Yên Định) (Sdd - Tr.86). Cuốn “Trịnh Vương ngọc phả” thì ghi “Trước lăng ở làng Diên Thượng, huyện An Định, sau di về xã Kim Sơn, huyện Vĩnh Phúc (xóm Nham), tục gọi là hang Ngọc Cục. (Sdd - Tr.29)

Theo chúng tôi thì 3 tài liệu đáng tin cậy trên đều ghi địa điểm đặt lăng chúa Trịnh Căn là “Diên Thượng” và “Lịch Thượng”. Từ lâu nay có một ngôi mộ ở làng Duyên Thượng, huyện Yên Định, thuộc chi họ Trịnh Đình trông coi. Khoảng năm 1960 chính quyền địa phương chủ trương quy tập mộ về một nơi. Do ngôi mộ này quá lớn, kết cấu bằng vật liệu cứng, nên không thể di dời được. Kinh nghiệm khai quật mộ chúa Trịnh Sâm (1739 - 1782) trước kia, cũng trong quan, ngoài quách rất chắc chắn. Vì chữ “Diên Thượng” và “Duyên Thượng” trong Hán ngữ viết gần giống nhau, cho nên dịch ra khác nhau. Vì vậy chúng tôi cho rằng làng “Duyên Thượng” thuộc xã Định Liên, huyện Yên Định là địa điểm mai táng chúa Trịnh Căn. Còn tại sao sách “Trịnh Vương ngọc phả” lại ghi mộ chúa Trịnh Căn lúc đầu ở làng “Diên Thượng” về sau lại chuyển đi nơi khác.

(Xem tiếp trang 60)

MÚA ĐÈN - Bản nông lịch của cư dân nông nghiệp cổ Đông Sơn

Trần Thị Liên

*Phó Trưởng Ban Văn nghệ Dân gian
Hội Văn học nghệ thuật Thanh Hóa*

Thanh Hóa là một tỉnh nông nghiệp, Đông Sơn là nơi nghề nông chiếm chủ yếu. Huyện này không có biển; phía Đông giáp Thành phố Thanh Hóa; còn các xã phía Tây, Nam, Bắc đều giáp các huyện đồng bằng, núi thấp chỉ như những ngọn đồi. Người dân quanh năm sống với con trâu, cái cày, nghề thủ công đều là những nghề gắn bó với nông nghiệp. Làng quê với “xuân thu nhị kỳ” mở hội, là nơi diễn ra các trò diễn, phô bày đời sống của người nông dân gắn bó với ruộng đồng mà đặc sắc nhất là trò múa đèn.

Trò múa đèn phổ biến ở nhiều nơi, như Thiệu Hóa, Yên Định, Vĩnh Lộc... nhưng trò múa đèn ở Đông

Sơn được xem là đặc sắc hơn cả. Với hiểu biết của chúng tôi, thì ngoài Thanh Hóa không thấy một địa phương nào có nữa mà múa đèn ở đây đã trở thành một trò diễn và gắn với sản xuất thời vụ nông nghiệp. Về mặt đạo cụ hóa trang, trò múa đèn ở Đông Sơn cũng như ở các nơi trong tỉnh, bắt buộc phải có ngọn đèn đội trên đầu (có lẽ vì thế gọi là múa đèn) và khăn đỏ chít ngang đầu. Tại các ngày hội như hội hoa đăng và các cuộc khánh hạ ở cung đình, đèn miếu xưa kia vẫn có tiết mục múa đèn không gắn với sản xuất nông nghiệp và nặng về biểu diễn nghệ thuật. Về vấn đề hóa trang của múa đèn cũng có nhiều ý kiến khác nhau. Chúng tôi nghiêng

về ý kiến cho rằng: khăn đỏ trên đầu cũng như ngọn đèn, tượng trưng cho mặt trời đối với sự sinh trưởng của muôn loài và vòng quay của mặt trời đối với chu trình sản xuất nông nghiệp là điều rất quan trọng.

Tục thờ thần mặt trời là tín ngưỡng phổ biến của cư dân nông nghiệp. Đây cũng là một vấn đề mà chủ nhân văn minh nông nghiệp Đông Sơn đã sớm nhận thức được và thể hiện trên trống Đông Sơn. Trên di vật tiêu biểu của nền văn minh nông nghiệp này, ta thấy hình ảnh trung tâm là mặt trời, các hoạt động của con người và muôn loài (cây, cỏ, chim, cá, hươu) đều thực hiện dưới sự tỏa sáng của “Mặt trời”. Phải chăng đây là tín



Biểu diễn múa đèn dân ca Đông Anh, huyện Đông Sơn (Sưu tầm)

ngưỡng nông nghiệp cổ với tục thờ mặt trời, còn lưu lại ở trò diễn Đông Sơn.

Thông thường điệu múa đèn bao giờ cũng có tính cách chúc tụng và du hí. Tổ chức múa đèn là để nghinh bái thần linh, chúc tụng vua quan và để biểu diễn trình độ nghệ thuật tinh vi, khéo léo của các nghệ nhân. Lời ca múa đèn ở các hội hoa đăng với những bài thơ hoa mỹ của các nhà Nho.

Riêng múa đèn ở Đông Sơn thì khác, nó là một bài ca lịch tiết nông nghiệp, người dân dự múa đèn vừa để ngắm các nghệ nhân biểu diễn, vừa để ôn lại công việc đồng áng và thủ công nghiệp trong năm và không chỉ ôn, chỉ xem mà còn tham dự nữa. Hình thức đề của nghệ thuật sân khấu chèo đã được thể hiện ở đây, sự giao

lưu giữa “diễn viên” và khán giả là nét nổi bật. Thành ra ở đây vừa có múa, vừa có hát lại có cả đối thoại là điều không hề thấy trong hình thức ca vũ nào cả. Múa đèn Đông Anh⁽¹⁾, là một vũ khúc có lời ca gồm 13 “đoạn”. Nội dung của vũ khúc này là “diễn trình” lại một chu trình sản xuất nông nghiệp trong một năm từ đầu năm “luống bông, luống đậu”, đến lúc “nhỏ mạ”, “đi cấy” cho đến khi “đi gặt”. Theo các nghệ nhân cho biết gọi là múa đèn vì khi trình diễn trò này, mỗi con trò phải đội một đĩa đèn, khi bắt đầu diễn có động tác “thắp đèn”, ngọn đèn sáng cho đến khi trò diễn kết thúc.

Số người tham gia diễn thường là mười hai người. Trang phục thường là đầu chít khăn vành râu bằng

nhieu đỏ, trong là khăn trắng xếp to, cao; trên đầu đội một đĩa đèn, áo đỏ⁽²⁾, thắt lưng xanh, quần trắng.

Các điệu múa của tổ khúc múa đèn được trình bày theo một trình tự rất chặt chẽ, các điệu múa gồm: thắp đèn; luống bông, luống đậu; vãi mạ; chẻ lạt, đan lù; nhỏ mạ; đi cấy; kéo sợi; dệt cửi; vá may; đi gặt.

Khi chuyển từ cách múa này sang cách múa khác có người lĩnh xướng để chuyển đoạn. Căn cứ vào lời lĩnh xướng, nghệ nhân chuyển động tác múa. Sau mười điệu múa trò này kết thúc bằng ba điệu múa không có lời ca đó là: đánh lá lạt; đánh gà luộc; cúng cơm mới, dâng oản. Các điệu múa chủ yếu ở tay, chân chỉ xê dịch rất ít cho phù hợp với động tác múa tay. Việc chuyển các làn không khó lắm vì đã có câu lĩnh xướng “cất nhịp chuyển làn” nhưng múa cho đều là khó, hơn nữa thời gian của điệu múa khá dài nên phải có sức khỏe mới có thể múa được.

Chúng tôi xin dẫn nội dung của cuộc trình diễn ở Viên Khê, Đông Anh (nay là xã Đông Khê, huyện Đông Sơn) để thấy rõ hơn ý nghĩa của múa đèn.

Mở đầu, sau chín tiếng trống, con trò hát điệu giáo

đâu. Tất cả con trò hát:	Con trò hát:	(Con trò đổi điệu múa kéo sợi)
<i>Thấp thoáng có ngọn đèn quang</i>	<i>Tay cầm dao nác, nắm nan</i>	<i>Tất cả con trò hát:</i>
<i>Còn không ta lấy, dở dang ta</i>	<i>Lên chùa thanh vắng ta đan</i>	<i>Tay cúi cùi cùi.</i>
<i>đừng.</i>	<i>cái lờ</i>	<i>Ới rằng tay quay</i>
<i>Trong nhà ta, từ ngày ràng</i>	<i>Bắt cá thả lờ còn nhớ hay</i>	<i>Tay quay, tay kéo</i>
<i>rạng</i>	<i>quên?</i>	<i>Từ ngày giăng kéo</i>
<i>Lòng em lại muốn chơi trăng</i>	Người chỉ huy xướng:	<i>Nó ra rù rì</i>
<i>ngoài thêm</i>	<i>Bà con ơi? Giờ đến tháng</i>	<i>Yêu nhau lấy quách nhau đi.</i>
<i>Muốn cho trong ấm ngoài êm</i>	<i>năm, tháng sáu, ta đi nhỏ mạ</i>	Người chỉ huy xướng:
Người chỉ huy xướng:	<i>phải chăng</i>	<i>Bà con ơi! Kéo sợi xong rồi,</i>
<i>Bà con ơi? Giờ đã đến tháng</i>	Khán giả đáp:	<i>ta mắc cửi lên phải chăng?</i>
<i>giêng, tháng hai rồi ta đi luống</i>	<i>Phải rồi!</i>	Khán giả đáp:
<i>bông, luống đậu phải chăng?</i>	(Con trò chuyển làn múa nhỏ mạ)	<i>Phải rồi!</i>
Khán giả đáp:	Tất cả con trò hát:	(Con trò chuyển điệu múa dệt cửi)
<i>Phải rồi!</i>	<i>Em thời đi cấy lấy công</i>	Tất cả con trò hát:
(Con trò chuyển điệu múa Luống bông luống đậu)	<i>Để anh nhỏ mạ tiền chung</i>	<i>Ngồi buồn ta mắc cửi lên</i>
Tất cả con trò hát:	<i>một lời.</i>	<i>Uốn tay cho mềm, dệt cửi</i>
<i>Ta đi luống bông, luống đậu</i>	Người chỉ huy xướng:	<i>cho lanh (nhanh)</i>
<i>Ta đi luống đậu, luống khoai</i>	<i>Bà con ơi? Nhỏ mạ xong rồi</i>	Người chỉ huy xướng:
<i>Ở trên phố Láng có hai luống</i>	<i>ta đi cấy phải chăng?</i>	<i>Bà con ơi! Dệt rồi ta vá, ta</i>
<i>hành</i>	Khán giả đáp:	<i>may phải chăng?</i>
<i>Ai làm cho luống công anh?</i>	<i>Phải rồi.</i>	Khán giả đáp:
Người chỉ huy xướng:	(Con trò chuyển điệu múa đi cấy)	<i>Phải rồi!</i>
<i>Bà con ơi! Giờ đã đến tháng</i>	Tất cả con trò hát:	(Con trò chuyển điệu múa xe chỉ vá may)
<i>ba, tháng tư rồi ta đi vãn (vãi)</i>	<i>Lên chùa bẻ một cành sen</i>	Tất cả nghệ nhân hát:
<i>mạ phải chăng?</i>	<i>Ăn cơm bóng đèn, đi cấy sáng</i>	<i>Ngồi thêm xe chỉ, chỉ xe</i>
Khán giả đáp:	<i>trăng</i>	<i>Xỏ kim, kim xỏ ngồi hè vá may</i>
<i>Phải rồi!</i>	<i>Ba bốn cô có lịch cùng trăng</i>	<i>Ta mang khăn gói</i>
(Con trò chuyển làn múa)	<i>Có bọm cùng trăng</i>	<i>Tình lợi qua sông</i>
Con trò hát:	<i>Thấp đèn ta sẽ chơi trăng</i>	<i>Mồ hôi gió đượm</i>
<i>Tay cầm nắm (trấu) tung ra,</i>	<i>ngoài thêm</i>	<i>Gái thương chóng phải theo</i>
<i>Trú nát ra tro</i>	<i>Muốn cho trong ấm, ngoài</i>	Người chỉ huy xướng:
<i>Thịt nát ra giò</i>	<i>êm.</i>	<i>Bà con ơi! Giờ đã đến tiết</i>
<i>Đậu nát ra tương.</i>	Người chỉ huy xướng:	<i>tháng chín, tháng mười rồi, ta</i>
Người chỉ huy xướng:	<i>Bà con ơi! Giờ đến hết</i>	<i>đi gặt phải chăng?</i>
<i>Bà con ơi. Vãi mạ rồi, ta</i>	<i>tháng bảy, tháng tám rồi phải</i>	Khán giả đáp:
<i>chẻ lạt đan lờ (lờ) phải chăng?</i>	<i>chăng?</i>	<i>Phải rồi!</i>
Khán giả đáp:	Khán giả đáp:	(Con trò chuyển điệu múa)
<i>Phải rồi!</i>	<i>Phải rồi!</i>	

đi gặt)

Tất cả con trò hát:

Bao giờ cho lúa chín vàng

*Cho anh đi gặt, cho nàng
mang cơm*

Người chỉ huy xướng:

*Bà con ơi! Gặt hái xong rồi
ta đánh lá lật nên chăng?*

Khán giả đáp:

Nên đấy!

Tiếp theo là ba điệu múa không có lời: Đánh gà luộc, cúng cơm mới, dâng oản.

Lời ca của trò diễn Múa Đền là một bản nông lịch. Người ta nhắc nhở nhau: Tháng nào làm gì, cho đến cuối năm thu hoạch và thưởng thức ra sao. Người dân lao động rất chăm chỉ, công việc

của họ trong cả năm:

*Tháng Giêng, tháng Hai
luống bông luống đậu*

*Tháng Ba, tháng Tư che lạt
đan lừ*

*Tháng Năm, tháng Sáu nhỏ
mạ, đi cấy*

*Tháng Bảy, tháng Tám kéo
sợi, dệt cửi, vá may*

*Tháng Chín, tháng Mười
(lúa chín) đi gặt*

*Gặt hái xong - Đánh lá lật,
đánh gà luộc, cúng cơm mới,
dâng oản.*

Qua trò múa đền ở Viên Khê (xã Đông Khê, huyện Đông Sơn), ta thấy vốn truyền thống ở đây đã được bảo tồn, truyền dạy cho các thế hệ và đang phát huy giá trị truyền thống trong cuộc

sống hôm nay. múa đền không chỉ là niềm tự hào với truyền thống văn hóa đặc sắc của cha ông mà còn góp phần nâng cao đời sống tinh thần của mọi người dân và đóng góp một phần không nhỏ vào sự nghiệp hiện đại hóa quê hương, đất nước./.

(1) Có người gọi là múa đền, có người gọi là trò múa đền, có người gọi là tổ khúc múa đền. Nói múa đền Đông Anh là phân biệt múa đền ở đây với các trò múa đền ở nơi khác. Theo tài liệu của chúng tôi ở Thanh Hóa có múa đền ở hơn mười địa điểm. Đặc biệt múa đền Thiệu Quang (Thiệu Hóa) có nhiều nét gần gũi với múa đền Đông Anh.

(2) Màu đỏ của đền và trang phục là yếu tố gần như thống nhất trong các điệu múa đền ở Thanh Hóa.

Cuộc đời, sự nghiệp của chúa...

(Tiếp theo trang 56)

Theo chúng tôi biết lăng mộ các vua, chúa thời xưa được giữ rất bí mật vì sợ những kẻ đối nghịch trả thù hoặc những kẻ đào trộm mộ hôi của. Bởi vậy người ta đã đánh lạc hướng địa điểm chôn cất. Ví như mộ chúa Trịnh Sâm trong sách Đại Việt sử ký tục biên, ghi "An táng Thịnh Vương gọi tên lăng là Thịnh Phúc" (Sdd - Tr.458); Sách Trịnh Vương ngọc phả ghi là "lăng Trịnh

Phúc, huyện An Đình, sau tránh giặc Tây Sơn di về làng Biện Thượng" (Sdd - Tr.42). Nhưng thực ra mộ chúa Trịnh Sâm cuối cùng tình cờ phát hiện ở xã Quý Lộc, huyện Yên Định, chứ không phải xã Thịnh Phúc hoặc Biện Thượng (nay là Vĩnh Hùng), huyện Vĩnh Lộc.

Trịnh Căn ở ngôi chúa có 27 năm, nhưng đã có các quyết sách mạnh mẽ để khôi phục lại kỷ cương đất nước

sau một thời gian dài chiến tranh Trịnh Mạc và Trịnh Nguyễn, giúp đất nước ổn định, chuẩn bị tiềm lực để phát triển thịnh vượng về sau đời chúa Trịnh Cương. Vì vậy, việc hậu thế chúng ta xác định và công nhận ngôi mộ chúa Trịnh Căn để thờ phụng, tưởng niệm, là một việc làm cần thiết, nhằm tỏ lòng kính trọng, biết ơn đối với một vị chúa có công lao xứng đáng đối với đất nước./.